

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH  
TẬP 176

SÁU CỬA VÀO ĐỘNG  
THIỆU THẤT

SỐ 2009

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC  
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN



SỐ 2009

## SÁU CỬA VÀO ĐỘNG THIẾU THẤT

### TÂM KINH TỤNG

1. Ma Ha Bát-nhã Ba-la-mật Đa Tâm Kinh:

*Trí huệ biển thanh tịnh  
Lí mật nghĩa u thâm  
Ba la qua bờ ấy  
Soi đường chỉ do tâm  
Nghe nhiều ngổn ngang ý  
Chẳng lia chỉ vì kim  
Hoa kinh một mối đạo  
Muôn kiếp thánh hiền vâng.*

2. Quán Tự Tại Bồ Tát:

*Bồ tát vượt thánh trí  
Sáu xứ rớt chung đồng  
Tâm không quán tự tại  
Vô ngại đại thần thông  
Cửa thiền vào chánh thọ  
Tam muội mặc tây đông  
Mười phương trải chơi khắp  
Nào thấy Phật hành tung*

3. Hành Thâm Bát-nhã Ba-la-mật Đa Thời:

*Sáu năm cầu đạo lớn  
Hành sâu chẳng lia thân  
Trí huệ tâm giải thoát  
Đến bờ kia tột cùng  
Thánh đạo không và lặng*

“N hư thị ng ả kim v ả n”  
 Ph ậ t h à n h ý b ì n h đ ẳ n g  
 T h ờ i đ ế n v ự o t t h ườ n g n h ầ n .

4. Chi ế u K i ế n Ng ũ U ẩ n G i a i K h ồ n g :  
 H ầ m m ế n t h ầ n n ă m u ẩ n  
 G i ả đ ối k ết l ầ m t h ầ n  
 M ầ u t h ị t l i ề n g ầ n c ố t  
 T r ồ n g d ầ m ộ t đ ố n g t r ầ n  
 N ể o m ề v ư i c h ấ p đ ấ n h  
 B ậ c t r í c h ẳ n g v ì t h ầ n  
 B ố n t ươ n g đ ề u đ ứ t b ậ t  
 M ớ i đ ư ợ c g ọ i l ầ c h ầ n .

5. Đ ộ N h ấ t T h i ế t K h ố Á c h :  
 V ọ n g b u ộ c h o ả t h ầ n k h ố  
 N h ầ n n g ả t ầ m t ự m ề  
 N i ế t b ầ n đ ườ n g t h ầ n t ị n h  
 S ầ o c h ấ p đ ư ợ c t ầ m y  
 Ấ m g i ờ i s ầ u t r ầ n v ậ y  
 Á c h n ậ n n g h i ệ p t h ề o k ề  
 V í r ồ t ầ m k h ồ n g k h ố  
 S ớ m n g h ề n g ộ B ồ - đ ề .

6. X ả L ộ i

T ử :  
 Đ ạo đ ạo t ầ m l ầ g ố c  
 T ầ m l ậ n g l ộ i b ầ o l ầ ...  
 N h ư s ề n n h ồ m ặ t n ướ c  
 T h ồ ấ t r ồ g ố c đ ạo h ồ a  
 L ườ n ở n ờ i t ị n h đ i ệ t  
 T r í h ườ i m ấ y ả i q ườ a  
 M ộ t m ì n h s i ề u b ầ c ồ i  
 H ế t t i ế c c ả n h t ầ b ầ .

7. S ắ c B ấ t D ị K h ồ n g K h ồ n g B ấ t D ị S ắ c :  
 S ắ c v ớ i k h ồ n g m ộ t g i ố n g  
 C h ư a r ồ t h ấ y h ầ i đ ầ n g  
 H ầ i t h ầ a đ ầ m p h ầ n b i ệ t  
 C h ấ p t ươ n g t ự đ ối g i ầ n  
 N g ồ à i k h ồ n g k h ồ n g c ó s ắ c  
 C h ẳ n g s ắ c m ớ i n ắ n g k h ồ a n  
 V ồ s ầ n h t ắ n h t h ầ n t ị n h

*Ngộ ấy tức niết bàn.*

8. Sắc Tức Thị Không Không Tức Thị Sắc:

*Chẳng phải không, không chẳng có  
Chẳng phải sắc, sắc không hình  
Sắc không hề một mối  
Đất tịnh được yên lành  
Chẳng phải không, không vì diêu  
Chẳng phải sắc, sắc phân minh  
Sắc không chẳng phải tướng  
Nơi đâu dựng thân hình.*

9. Thọ Tưởng Hành Thức Diệc Phục Như Thị:

*Thọ tưởng nạp muôn duyên  
Hành thức rộng dung khoan  
Biến kế tâm nên dứt  
Bệnh “ta” chẳng tương can  
Giải thoát tâm vô ngại  
Phá chấp ngộ tâm nguyên  
Nên nói “cũng vậy đó”  
Tánh tướng thực một ban.*

10. Xá Lợi Tử:

*Nói “xá” nhằm thân tướng  
Còn “lợi” nhắm một tâm  
Bồ tát vận trí huệ  
Bốn tướng chắn đường tâm  
Đạt đạo là nhân chấp  
Thấy tánh pháp không âm  
Chư lậu đều dứt trọn  
Toàn thể ấy vàng ròng.*

11. Thị Chư Pháp Không Tướng:

*Chư Phật nói không pháp  
Thanh văn chấp tướng cầu  
Tìm kinh kiếm lẽ đạo  
Bao giờ học tâm thôi  
Viên thành tướng chân thực  
Chợt rõ bỏ ý tu  
Thên thang vượt pháp giới  
Tự tại hết lo âu.*

12. Bất Sanh Bất Diệt:

*Lô xá thể thanh tịnh  
 Không tướng tự nhiên chân  
 Như hư không rộng khắp  
 Muôn kiếp vẫn trường tồn  
 Chẳng chung chẳng riêng rẽ  
 Không cội cũng không tân  
 Lẫn lộn mà không nhiễm  
 Ba cõi một mình tôn.*

## 13. Bất Cấu Bất Tịnh:

*Chân như vượt ba cõi  
 Dơ sạch vốn không ngờ  
 Vì thương phương tiện mở  
 Nói nhất cùng nói thừa  
 Cõi không không “vô hữu”  
 Hiện xuống bánh xe đưa  
 Xưa nay không một vật  
 Huống hai thứ lọc lừa.*

## 14. Bất Tăng Bất Giảm:

*Thể như lai không tướng  
 Đây đây mười phương không  
 Trên “không” khôn lập “có”  
 Trong “có” chẳng thấy “không”  
 Nghe như tay gió thoảng  
 Xem như nguyệt trên sông  
 Pháp thân nào thêm bớt  
 Ba cõi gọi chân dung.*

## 15. Thị Cố Không Trung:

*Bồ-đề ngoài chẳng có  
 Cũng chẳng ở trung gian  
 Chẳng tướng chẳng chẳng tướng  
 Cân nhắc mất cơ quan  
 Thế giới chẳng thế giới  
 Bốn trời sáng ba quang  
 Bốn lai không chướng ngại  
 Đâu là chỗ chốn ngang.*

## 16. Vô Sắc Vô Thọ Tưởng Hành Thức:

*Không sắc bốn lai không  
 Thọ tưởng vẫn chung đồng*

*Hành thức cũng như vậy  
 Có hết lại về không  
 Chấp có đâu thực có  
 Theo không lại lạc không  
 Sắc không tâm là hết  
 Chừng ấy mới thần thông.*

## 17. Vô Nhãn Nhĩ Tị Thiệt Thân ý:

*Sáu căn không tự tánh  
 Theo tướng đặt bày thôi  
 Sắc duyên theo tiếng vọng  
 Nhân ngã lười đùa chơi  
 Mũi đối phân mùi người  
 Thân ý đắm tình đời  
 Sáu nơi ham mến dít  
 Muôn kiếp chẳng luân hồi.*

## 18. Vô Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp:

*Chứng trí không thanh sắc  
 Hương vị xúc khác gì  
 Sáu trần theo vọng dấy  
 Tâm phàm tự đối nghi  
 Sanh tử trôi sanh tử  
 Bồ-đề chứng một khi  
 Pháp tánh không vô trụ  
 Chỉ sợ ngộ chầy chầy.*

## 19. Vô Nhãn Giới Nãi Chí Vô Ý Thức Giới:

*Sáu thức theo vọng dấy  
 “y tha” mở đối sai  
 Mắt tai luôn thân ý  
 So tính được sao ai  
 Lười mũi gây điên đảo  
 Tâm vương lạc hướng quay  
 Đợi gì trong sáu thức  
 Quày lại hướng như lai.*

20. Vô Vô Minh Diệc Vô Vô Minh Tận Nãi Chí Vô Lão Tử Diệc  
 Vô Lão Tử Tận:

*Vì mười hai duyên có  
 Sanh lão mới tương tùy  
 Thân có, vô minh đến*

*Hai tướng hiện liền khi  
 Thân hết vô minh hết  
 Thọ báo hết hện kì  
 Rõ thân như mộng寐  
 Gấp gáp ngộ vô vi.*

## 21. Vô Khổ Tập Diệt đạo:

*Bốn đế hưng ba cõi  
 Đốn giáo nghĩa phân minh  
 Khổ dứt, tập đã diệt  
 Đạo thánh tự nhiên thành  
 Thanh văn thôi tưởng đối  
 Duyên giác ý an lành  
 Muốn biết nơi thành phật  
 Trên tâm đừng trệ quanh.*

## 22. Vô Trí Diệt Vô Đắc:

*Pháp vốn chẳng không có  
 Trí huệ dễ đâu lường  
 Hoan hỉ tâm lừa bợn  
 Phát sáng ngập mười phương  
 Có gì hơn trước mắt  
 Tìm đâu xa đạo trường  
 Chẳng động qua bờ giác  
 Cõi thiện huệ pháp vương.*

## 23. Dĩ Vô Sở Đắc Cố:

*Niết bàn có gì chứng  
 Chân không bật níu quàng  
 Xưa nay không tướng mạo  
 Quyền biến dựng ba đàn  
 Bốn trí mở pháp dụ  
 Sáu độ ví ải quan  
 Mười địa ba thừa pháp  
 Hàng thánh khó luận bàn.*

## 24. Bồ-đề Tát Đoả:

*Phật đạo thật khó thấu  
 Tát đoả là phàm trần  
 Cháng sanh cốt thấy tánh  
 Kính phật chớ phụ tâm  
 Trong đời thiện trí thức*



*Luận pháp nói sâu nông  
Đốn ngộ tâm bình đẳng  
Dứt hết hai bên lầm.*

## 25. Y Bát-nhã Ba-la-mật Đa Cố:

*Bát-nhã, ấy trí huệ  
Ba la, không sở y  
Tâm không rộng lớn khắp  
Trong ngoài thấy vô vi  
Tánh “không” không ngại biện  
Ba cõi ít ai bì  
Thấy lớn sáng pháp lớn  
Tán tụng biết bàn chi.*

## 26. Tâm Vô Quái Ngại:

*Giải thoát tâm vô ngại  
Ý tựa thái hư không  
Bốn phương không một vật  
Trên dưới rớt chung đồng  
Tới lui tâm tự tại  
Nhân pháp chẳng gặp chung  
Hỏi đạo chẳng thấy vật  
Thong dong thoát chạu lỏng.*

## 27. Vô Quái Ngại Cố Vô Hữu Khủng Bố:

*Sanh tử tâm lo sợ  
Vô vi tánh tự an  
Cảnh quên tâm cũng diệt  
Biển tánh lặng dung khoan  
Ba thân về đất tịnh  
Tám thức lìa nhân duyên  
Sáu đường theo tướng thực  
Quày đầu lại bốn nguyên.*

## 28. Viễn Li Nhất Thiết Điên Đảo Mộng Tưởng:

*Hai bên toàn chớ lập  
Ở giữa chớ lâm tu  
Thấy tánh sanh tử hết  
Bồ-đề chẳng phải cầu  
Ngoài thân tìm phật thực  
Điên đảo bỏ đi thôi  
Ngồi tịnh thân vui lặng*

*Vô vi trái đến hồi.*

29. Cửu Cảnh Niết Bàn:

*Không sanh tức cứu cánh  
Thanh tịnh ấy niết bàn  
Phàm phu đừng luận thánh  
Chưa đến biết chi bàn  
Có học cùng không học  
Trí phật chuyển sâu huyền  
Lí vô tâm cốt rõ  
Đừng chấp lặng tâm nguyên.*

30. Tam Thế Chư Phật:

*Quá khứ lời chẳng thật  
Vị lai cũng chẳng chân  
Hiện tại Bồ-đề tử  
Không pháp gọi huyền môn  
Ba thân cùng về một  
Một tánh gọi nhuần thân  
Đạt lí thời gian mất  
Chứng pháp “một” không nhân.*

31. Y Bát-nhã Ba-la-mật Đa Cố Đắc:

*A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ-đề  
Trí phật sâu khôn lường  
Huệ giải rộng vô biên  
Vô thượng tâm chánh biến  
Ánh từ ngập đại thiên  
Tịch diệt tâm thiện xảo  
Dựng lên vạn pháp thiên  
Bồ tát nhiều phương tiện  
Cứu khắp vì nhân thiên.*

32. Cố Tri Bát-nhã Ba-la-mật Đa Thị Đại :

*Thần Chú Thị Đại Minh Chú  
Bát-nhã làm thần chú  
Trừ dứt năm uẩn nghi  
Phiền não cũng mất trọn  
Thanh tịnh tự phân li  
Bốn trí cuộn cuộn sóng  
Tám thức lộ thân uy  
Đèn tâm soi pháp giới*

*Đó tức là Bồ-đề.*

33. Thị Vô Thượng Chú:

*Vô thượng xưng tối thắng  
Cứu vớt đám ngu si  
Giáo chủ ba ngàn cõi  
Rộng mở nguyện từ bi  
Thuận lòng chúng sanh muốn  
Tuỳ cảnh dẫn qua mê  
Người người lên bờ giác  
Do mình chẳng do ai.*

34. Thị Vô Đẳng Đẳng Chú:

*Đường phật con đường thánh  
Pháp lực chẳng gì qua  
Chân không dứt mọi có  
Hoá thân hiện hằng sa  
Đến vì chúng sanh khổ  
Đi vì thế gian ma  
Kiếp thạch thủy về hết  
Mình ta tại ta bà.*

35. Năng Trừ Nhất Thiết Khổ Chân Thực Bất Hư:

*Phật từ tâm rộng lớn  
Đời đời nguyện độ sanh  
Hoằng pháp nêu lẽ thực  
Khấp khuyến gấp tu hành  
Quày đầu thấy tướng thực  
Khổ hết thấy vô sanh  
Dứt hẳn ba đường ác  
Thanh thản lòng vui thành.*

36. Cổ Thuyết Bát-nhã Ba-la-mật Chú:

*Nên nói lí chân như  
Chưa ngộ gấp tâm hồi  
Sáu giặc thôi gieo ác  
Thùng sơn đáy lũng rồi  
Thần chú trừ ba độc  
Hoa tâm nẩy năm chồi  
Trái chín căn nguồn dứt  
Bước bước thấy như lai.*

37. Tức Thuyết Chú Viết: Yết Đế Yết Đế Ba La Yết Đế Ba La

Tăng Yết Đế Bồ-đề Tát Bà Ha:

*Yết đế giềng mối đạo  
Đưa duyên phước nêu đường  
Như lai tối tôn thắng  
Phàm tâm biết đâu lường  
Không bờ không ở giữa  
Dài ngắn cũng không luôn  
Bát-nhã Ba-la-mật  
Suốt kim cổ hằng thường.*

### PHÁ TƯỚNG LUẬN:

Hỏi: Nếu có người dốc lòng cầu đạo thì nên tu theo pháp nào mới thực là cực kì tinh yếu?

Đáp: Chỉ một pháp quán tâm thâm nhiếp trọn các pháp mới thực là cực kì tinh yếu.

Hỏi: Sao một pháp thâm nhiếp trọn các pháp được?

Đáp: Vì tâm là cội rễ của muôn pháp. Tất cả các pháp, duy một tâm sanh ra. Nếu hiểu được tâm ấy muôn pháp đều sẵn đủ trong đó, cũng ví như cây lớn có đủ thứ cành nhánh trái bông, nhưng tất cả đều do nơi cội rễ mà nảy sanh, nếu nhổ rễ ắt cây chết.

Nếu hiểu tâm mà tu đạo ắt được tinh lực nên dễ thành.

Nếu không hiểu tâm mà tu đạo ắt nhọc công mà vô ích.

Nên biết tất cả việc lành dữ đều do ở tâm mình. Cầu gì khác ở ngoài tâm, rốt cuộc không đâu có được.

Hỏi: Sao gọi quán tâm là rõ hết?

Đáp: Bạc bồ tát khi thực hành rốt ráo pháp Bát-nhã Ba-la-mật đã thấy rõ bốn đại năm ấm vốn là không, không tự ngã; thấy rõ do sự khởi dụng của tự tâm bày ra hai giống khác nhau.

Sao gọi là hai?

Một là tịnh tâm: tâm trong sạch

Hai là nhiễm tâm: tâm nhuốm bợn.

Hai thứ tâm ấy, xưa nay pháp giới đều tự nhiên có, kết hợp bằng những nhân duyên giả, trong cái thế đối đãi nương vịn vào nhau.

Tâm tịnh bằng vui nhân lành.

Tâm nhiễm mắng lo nghiệp dữ.

Nếu không có gì nhiễm phải, tức xưng là thánh, lia hết các khổ đau, chửi cái vui niết bàn.

Bằng cứ buông theo tâm nhiễm mà tạo nghiệp ắt bị khuấy lấp,

ràng buộc, tức gọi là phàm, chìm nổi trong ba cõi, chịu mọi thứ khổ. Tại sao vậy? Vì cái tâm nhiễm ấy gây chướng ngại cho bốn thể chân như vậy.

Kinh Thập Địa nói: Trong thân chúng sanh có tánh phật kim cương ví như vầng nhật tròn đầy, rộng lớn, sáng bao la, chỉ vì lớp lớp mây ngũ ấm che lấp nên không lộ được, cũng ví như ánh sáng ngọn đèn bị nhốt giữa bình đất không chiếu hiện được.

Kinh Niết Bàn còn nói: Tất cả chúng sanh đều có tánh phật, chỉ vì vô minh che lấp nên không được giải thoát.

“Tánh Phật” ấy, tức “tánh giác” ấy vậy.

Chỉ “tự giác giác tha”, trí giác sáng tỏ, tức gọi là giải thoát.

Nên biết mọi điều lành đều là giác làm gốc. Nhân gốc giác ấy mới kết được đủ thứ trái niết bàn của cây công đức, đạo nhân đó mà thành.

Nói quán tâm tức rõ hết là như vậy đó.

Hỏi: Trên nói tất cả công đức của tánh chân như phật đều lấy giác làm gốc, còn tâm vô minh, chẳng hay lấy gì làm gốc?

Đáp: Tâm vô minh, tuy có tám vạn bốn ngàn phiền não, tình dục, với vô số điều dữ, đều do ba độc nên lấy đó làm gốc.

Ba độc ấy, tức tham sân si ấy vậy.

Cái tâm ba độc ấy tự nó có đủ tất cả giống ác, ví như cây lớn, gốc tuy chỉ một mà lá sanh ra thì số lượng không cùng. Ở ba độc ấy từ mỗi gốc sanh ra các nghiệp dữ, trăm ngàn vạn ức, gấp mấy cái trước, không thể ví với cái gì được. Từ trong bốn thể của cái tâm ba độc ấy ứng hiện ra sáu căn, cũng gọi là sáu tên giặc, tức là sáu thức vậy. Sáu thức ấy ra vào sáu căn, nhân đó có tham trước muôn cảnh, tạo thành nghiệp dữ, che khuất bốn thể chân như, nên gọi là sáu tên giặc. Do ba độc sáu giặc ấy chúng sanh bị mê hoặc và rối loạn thân tâm, trôi giạt trong sanh tử, lăn lóc trong sáu đường, chịu mọi nỗi khổ. Cũng như sông ngòi có tiếp nguồn thông mạch dòng nước mới chảy mãi không dứt, và sóng mới muôn dặm cuộn giăng; nếu có ai bít mạch lấp nguồn thì mọi dòng nước ắt dứt theo.

Người cầu giải thoát có thể chuyển được ba độc thành ba giới tu tịnh, chuyển sáu tên giặc thành sáu Ba-la-mật, tức tự nhiên lìa hẳn tất cả biển khổ.

Hỏi: Sáu đường ba cõi rộng lớn bao la nếu chỉ quán tâm thôi thì làm sao thoát được những khổ đau không cùng tận?

Đáp: Nghiệp báo trong ba cõi chỉ do một tâm sanh ra. Nếu từ gốc

đã vô tâm thì ở trong ba cõi mà như xa lìa ba cõi.

Ba cõi ấy, tức ba độc vậy.

Tham làm ra cõi dục

Sân làm ra cõi sắc

Si làm ra cõi vô sắc.

Nên gọi là ba cõi.

Do ba độc ấy gây nghiệp nhẹ nặng, quả báo chẳng đồng, chia ra làm sáu xứ, nên gọi là sáu nẻo.

Hỏi: Thế nào là nhẹ nặng chia làm sáu nẻo?

Đáp: Chúng sanh chẳng rõ nguyên nhân chánh, dốc lòng mê tu lành, chưa thoát khỏi ba cõi, thác sanh vào ba nẻo tội nhẹ.

Thế nào là ba nẻo tội nhẹ?

- Ấy là mê tu theo mười điều thiện, vọng cầu vui sướng, chưa thoát khỏi cõi tham, thì sanh ở nẻo vui trời.

- Mê giữ năm giới, vọng nổi lòng thương ghét, chưa thoát khỏi cõi sân, thì sanh ở nẻo loài người.

- Mê chấp hữu vi, tin tà mong phước, chưa thoát khỏi cõi si, thì sanh ở nẻo thần A-tu-la.

Đó là ba loại chúng sanh, gọi là ba nẻo tội nhẹ vậy.

Thế nào là ba nẻo tội nặng?

- Ấy là buông lung theo cái tâm ba độc, toàn gây nghiệp dữ, rơi vào ba nẻo tội nặng?

Nếu nghiệp tham nặng thì rơi vào nẻo quỷ đói.

Nếu nghiệp sân nặng thì rơi vào nẻo địa ngục.

Nếu nghiệp si nặng thì rơi vào nẻo súc sanh.

Vậy ba nẻo tội nặng ấy hiệp với ba nẻo tội nhẹ trên thành sáu nẻo luân hồi.

Mới biết tất cả nghiệp khổ đều do tâm mình sanh, nên cần nhiếp tâm, lìa hết đều tà và ác là mọi nỗi khổ của ba cõi sáu đường luân hồi đều tự nhiên tiêu mất, tức được giải thoát.

Hỏi: Như lời phật dạy: “Ta đã trải qua ba đại A tăng-kỳ kiếp cần cù chịu vô số khổ đau mới thành được phật đạo”, sao nay nói chỉ quán xét tâm, điều chế ba độc là được giải thoát?

Đáp: Lời phật nói ra không hề dối trá, A tăng-kỳ kiếp ấy, tức tâm ba độc vậy. Người Hồ (1) nói “A tăng-kỳ” (2) người Hán nói “bất khả số”, nghĩa là đếm không xuể.

Tự nơi tâm ba độc ấy, có đủ thứ niệm ác nhiều như cát sông Hằng. Ở mỗi niệm ấy là một kiếp, vậy là có hằng sa số kiếp đếm không xuể,

nên nói ba đại A tăng-kỳ.

Tánh chân như bị ba độc ấy che khuất. Nếu chẳng vượt lên được cái tâm của ba đại hằng sa độc ác ấy thì làm sao giải thoát được?

Nếu nay chuyển được ba món độc tham sân si làm ba món giải thoát, đó gọi là vượt qua ba đại A tăng-kỳ kiếp.

Chúng sanh ở thời đại cùng mạt này vốn căn trí ngu si, cùn lụt, không nhận được ý sâu kín của Như Lai trong câu nói “ba đại A tăng-kỳ” nên nói Như Lai phải qua vô số kiếp nhiều như cát bụi mới thành phật, điều ấy há chỉ khiến cho người tu nghi ngờ mà lùi bước Bồ-đề sao?

Hỏi: Các bậc Bồ tát nhờ giữ ba giới tụ tịnh, thực hành sáu độ, mới thành phật được. Sao nay nói người học chỉ cần quán tâm, chẳng tu giới hạnh, thì thành phật thế nào được?

Đáp: Ba giới tụ tịnh ấy, tức cái tâm chế phục ba độc vậy: chế phục tâm ba độc thành vô lượng thiện tụ.

Nói “tụ” là nói “hội” vậy.

Pháp lành vô lượng hội khắp ở tâm, nên gọi là ba giới tụ tịnh.

Nói sáu độ Ba-la-mật, tức nói tịnh sáu căn vậy.

Người Hồ nói “Ba-la-mật” người Hán nói “đạt bỉ ngạn”, tức đến bờ bên kia.

Sáu căn đã thanh tịnh, chẳng nhuộm sáu trần, tức qua sông phiền não, đến bờ Bồ-đề, nên nói là sáu Ba-la-mật.

Hỏi: Như kinh nói, ba giới tụ tịnh tức là “nguyện thề đoạn tất cả điều dữ, thề tu tất cả điều lành, thề độ tất cả chúng sanh” nay nói chỉ cần chế ngự cái tâm ba độc, há chẳng trái với nghĩa văn sao?

Đáp: Lời phật nói kinh là lời chân thực. Nhân đối với ba độc chư bồ tát tu hành trong thời quá khứ phát ba điều thệ nguyện là:

- Nguyện đoạn tất cả điều dữ, nên luôn dữ giới, đối xử với tham độc.

- Nguyện tu tất cả điều lành, nên luôn tập định, đối xử với sân độc.

- Nguyện độ tất cả chúng sanh, nên luôn tu huệ, đối xử với si độc.

Do gì giữ ba thứ pháp thanh tịnh giới định huệ ấy nên vượt được lên ba độc mà thành phật đạo vậy.

Điều dữ dứt mất, đó gọi là “đoạn”.

Điều lành sẵn đủ, đó gọi là “tu”.

Đã đoạn dữ tu lành, ắt muôn hạnh đều thành tựu, lợi ta lợi người,

cứu khắp muôn sanh, đó gọi là “độ”.

Mới biết phép tu giới hạnh không thể lìa tâm. Nếu tâm mình thanh tịnh, tất cả nước phật đều thanh tịnh. Nên kinh nói:

Tâm đục tất chúng sanh đục.

Tâm tịnh tất chúng sanh tịnh.

Muốn được tịnh độ, trước cần tịnh tâm

Tùy tâm mình tịnh, xứ phật tịnh theo.

Ba giới tụ tịnh tự nhiên thành tựu.

Hỏi: Như kinh nói, sáu Ba-la-mật ấy, cũng gọi là sáu độ, tức là: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định, và trí huệ. Nay nói sáu căn thanh tịnh gọi là Ba-la-mật thì hiểu sao cho xuôi được? Còn phép sáu độ, nghĩa là thế nào?

Đáp: Muốn tu sáu độ, nên tịnh sáu thứ căn, hàng sáu tên giặc.

- Xả được tên giặc mắt, lìa hết cảnh sắc, gọi là bố thí;

- Cầm được tên giặc tai, không buông lòng theo thanh trần, gọi là trì giới;

- Cầm được tên giặc mũi, tự tại giữa hương thơm, gọi là nhẫn nhục;

- Ngăn được tên giặc lưỡi, không ham mùi vị, ngâm vịnh giảng văn, gọi là tinh tiến;

- Hàng được tên giặc thân, lặng im chẳng động giữa điều cảm xúc, gọi là thiền định;

- Phục được tên giặc ý, chẳng buông theo vô minh, thường tu theo giác huệ, gọi là trí huệ.

Nói “độ”, đưa qua, tức nói “vận”, chuyển vận vậy. Thuyền Bát-nhã sáu Ba-la-mật có khả năng chuyển vận chúng sanh đến tận bờ bên kia, nên gọi là “sáu độ”.

Hỏi: Kinh nói: Khi còn là bồ tát, Thích Ca Như Lai từng uống ba đấu sáu thăng nhũ mi mới thành được phật đạo. Vậy trước nhờ uống sữa, sau chứng quả phật, há phải nhờ quán tâm mà được giải thoát ru?

Đáp: Nên thành thực mà nhận rằng lời xưa nói “nhân vì uống sữa mới thành phật” chẳng lường dối chút nào, nói phật uống sữa cần phân biệt hai thứ sữa. Sữa phật uống chẳng phải là sữa vẫn đục của thế gian, mà chính là sữa của pháp chân như thanh tịnh vậy.

Nói ba đấu, tức ba giới tụ tịnh.

Nói sáu thăng, tức sáu Ba-la-mật.

Thành phật là do uống sữa của pháp thanh tịnh ấy, mới chứng được quả phật.



Nếu nói Như Lai uống thứ sữa bò lênh mớ ươn hôi vẫn đục của thế gian, há chẳng chê bai một cách lấm lẩn lấm ru?

Tánh chân như tợ như chất kim cương bất diệt; còn pháp thân thì không thì vít vỉnh viển lia tất cả nỗi khổ đau của thế gian, há dùng thứ sữa vẫn đục ấy để đỡ đói khát được sao?

Như lời kinh nói, bò ấy chẳng ở vùng cao, chẳng ở vùng thấp, chẳng ăn lúa thóc tạp nhạp, chẳng cùng bầy với các loại bò khác.

...Nói bò ấy, tức là phật Tỳ Lô Xá Na vậy, đem lòng đại từ đại bi mà thương xót tất cả; nên từ nơi pháp thể thanh tịnh ứng ra thứ sữa pháp vi diệu của ba giới tụ tịnh sáu Ba-la-mật hầu nuôi nấng tất cả những người cầu đạo giải thoát. Như vậy, loại bò chân tịnh ấy, loại sữa thanh tịnh ấy, không những riêng Như Lai uống xong là thành đạo, mà tất cả chúng sanh ai cũng uống được, vẫn được quả chánh đẳng chánh giác như thường.

Hỏi: Như kinh nói, phật khiến chúng sanh xây dựng già lam, đúc tạc hình tượng, đốt hương rắc hoa, chong đèn sáng mãi, đêm ngày sáu cữ, nhiều tháp hành đạo, lễ bái chay lạt, đủ thứ công đức mới thành phật đạo. Nếu chỉ lấy phép quán tâm thâm nhiếp lại các hạnh, nói như vậy có ngoa chăng?

Đáp: Phật nói kinh dùng vô số phương tiện, nhắm vào tất cả chúng sanh căn trí cùng lụt, ươn hèn, không đủ sức lãnh hội được nghĩa sâu, nên nêu giả pháp hữu vi làm tử dụ cho pháp vô vi.

Nếu lại vẫn không tu nội hạnh mà chỉ cầu ở ngoài, mong làm thánh, cầu được phước, không đâu có được.

Nói “già lam” ấy là người Tây Thiên Trúc nói, ở đây dịch là “thanh tịnh địa”, tức là đất trong sạch, chùa chiền vậy.

Nếu vỉnh viển trừ ba độc, tịnh được sáu căn, thân tâm vắng không, trong ngoài lặng im, đó gọi là xây dựng già lam.

Nói “đúc tạc hình tượng”, tức đó là tất cả chúng sanh cầu phật đạo cần tu các giác hạnh, phỏng theo chân dung diệu tướng của Như Lai, há chỉ đâu phải là việc đúc vàng tạc đồng tầm thường vậy thôi ru! Bởi vậy người cầu đạo giải thoát phải lấy thân mình làm lò, lấy pháp làm lửa, lấy trí huệ làm tai thợ khéo, lấy ba giới tụ tịnh, sáu Ba-la-mật làm khuôn phép, nấu chảy, và rèn đúc chất chân như phật tánh ở trong thân cho thấm nhập khắp tất cả hình thức giới luật; y lời dạy đó mà vâng làm, mỗi mỗi không hở sót, thì tự nhiên thành tựu được hình tướng của chân dung. Hình tướng đó đích thực là cái pháp thân thường trụ vi diệu và cùng tốt, há phải đâu là pháp hữu vi hư đốn sao?

Người cầu đạo mà không hiểu nghĩa việc đúc tạc chân dung như vậy thì còn bằng vào đâu mở miệng nói công đức?

Công việc đốt hương ấy, nào phải hương có hình tướng của thế gian, mà chính là hương của pháp vô vi vậy, xông lên các thứ dơ xấu khiến cho nghiệp dữ vô minh thủy đều tiêu mất.

Hương chánh pháp ấy kể có năm thứ:

- Một là hương giới: gọi thế vì nó có thể dứt mọi điều dữ, tu mọi điều lành;

- Hai là hương định: gọi thế vì nó tin sâu phép đại thừa, lòng không chùn nản;

- Ba là hương huệ: gọi thế vì lúc nào ở bên trong cũng tự tâm quán xét;

- Bốn là hương giải thoát: gọi thế vì nó có thể dứt tất cả mê mờ trói buộc;

Năm là hương giải thoát tri kiến: gọi thế vì lúc nào nó cũng quán chiếu sáng soi, suốt thông không ngại.

Đó là năm thứ hương, gọi là hương tối thượng, thế gian không gì sánh được.

Khi còn tại thế, Phật khiến các đại tử lấy lửa trí huệ đốt thứ hương báu không giá ấy để dựng cúng chư Phật mười phương. Chúng sanh ngày nay không rõ nghĩa chân thực của Như Lai, chỉ đem lửa ngoài đốt gỗ trầm của thế tục, xông thứ hương vật chất lên mong phước cầu thánh, thì làm sao mà được ru?

Còn việc rắc hoa ấy, nghĩa cũng như vậy, ấy là viễn nói pháp chánh. Hoa công đức ấy gây lợi ích nhiều cho giống hữu tình, gieo rắc thấm nhuần tất cả, tự nơi tánh chân như bố thí khắp cùng khiến cho tất cả trang nghiêm. Thứ hoa công đức mà Phật từng xưng tán ấy không có thời héo rụng, rốt ráo là thường trụ.

Ai rắc thứ hoa ấy được phước không cùng. Bằng nói Như Lai bảo chúng sanh chặt cành bứt nhánh lấy hoa cúng Phật, làm thương tổn đến cỏ cây, điều ấy không đâu có vậy. Vì lẽ sao vậy?

Vì đã giữ tịnh giới thì muôn tượng um tùm trong trời đất chẳng nên đụng chạm đến. Nếu lầm chạm phải, đã mắc tội nặng rồi, huống nữa nay lại còn cố ý huỷ phá tịnh giới, gây hại cho muôn vật để cầu phước báu muốn được thêm cho mình lại hoá thành mất bớt đi, há có thể như vậy được sao?

Nói đèn chong sáng mãi, đó là tâm chánh giác vậy.

Sức sáng tỏ của tánh giác dụ như ngọn đèn. Cho nên người cầu

đạo giải thoát phải lấy thân mình làm thân đèn, lấy tâm làm tim đèn, thêm vào giới hạnh làm dầu đốt đèn.

Trí huệ sáng tỏ dụ như ngọn đèn thường cháy. Đó là đèn chánh giác vậy, chiếu phá tất cả mờ tối si mê, có thể chuyển được vành xe chánh pháp mà trao chuyển mở sáng cho nhau. Tức đó một đèn mỗi qua trăm ngàn đèn, đèn đèn không cùng tận, nên gọi là chong đèn sáng mãi.

Trong quá khứ có Phật tên là Nhiên Đăng cũng theo nghĩa “đốt đèn” ấy vậy.

Chúng sanh ngu si không hiểu được lời nói phương tiện của Như Lai, chuyên làm điều luống dối mê chấp hữu vi, đốt lên ngọn đèn dầu của thế gian đem soi vào căn nhà không, lại xưng là y theo lời Phật dạy, há chẳng quấy lăm ru?

Bởi cố sao vậy?

Phật phóng một đạo hào quang giữa đôi mi chiếu suốt tám vạn bốn ngàn thế giới, há là đèn dầu hư giả mà được ích lợi đến như vậy sao? Xét kỹ lẽ ấy, tự nhiên không thể được vậy!

Còn sáu giờ hành đạo là nói tự nơi sáu căn, bất cứ lúc nào cũng đi con đường Phật, cũng tu các giác hạnh, cũng ngăn phòng sáu căn, không lúc nào buông, đó gọi là sáu giờ hành đạo.

Phàm nói nhiều tháp hành đạo thì “tháp” tức là “thân” vậy, vậy cần tu giác hạnh. Xét quanh thân tâm, niệm niệm chẳng dừng, đó gọi là “nhiều tháp”, tức đi quanh tháp vậy.

Thánh nhân thuở trước đều đi theo đường ấy kì cho tới niết bàn. Người đời nay chẳng rõ lẽ ấy, trong chẳng tự hành, ngoài lại chấp cầu, đem thân chất ra nhiều tháp thế gian, đem ngày loanh quanh, chuốc nỗi nhọc nhằn vô lối, không ích gì cho chân tánh cả.

Còn trì trai ấy, cần hiểu rõ, nếu không thông đạt ắt uổng công tu.

Nói “trai” là chay, tức nói “tê”, là sắp xếp vậy: sắp xếp thân tâm cho thẳng (tê chánh) đừng cho công rối.

Nói “trì” là giữ, tức nói “hộ” là giúp vậy: ở nơi giới hạnh, cứ theo pháp mà hộ trì, nhất định ngoài cấm sáu tình, trong ngăn ba độc, siêng sáng tỉnh xét, thân tâm thanh tịnh. Có hiểu như vậy mới là chay lạt.

Còn ăn cũng có năm thứ ăn:

- Một là ăn thức vui của pháp- pháp hỉ thực-đó tức là y giữ chánh pháp, vui mừng vâng làm;

- Hai là ăn thức ngon của thiên- thiên duyệt thực- đó tức là trong ngoài lọc sạch thân và tâm vui đẹp;

- Ba là ăn thức ăn của niệm- niệm thực- đó tức là thường niệm chư Phật, tâm và miệng hợp nhau;

- Bốn là ăn thức ăn của nguyện- nguyện thực- đó tức là trong lúc đi đứng nằm ngồi luôn phát nguyện lành;

- Năm là ăn thức ăn của giải thoát- giải thoát thực- đó tức là tâm thường thanh tịnh, chẳng nhuốm bụi tục. Ăn năm món ấy gọi là giữ giới chay lạt.

Nếu người nào không ăn năm món ăn thanh tịnh như trên mà cứ rêu rao là trai giới, thì không đâu có được... Đó chỉ là phá chay. Mà đã phá thì sao rằng phước được?

Kẻ mê trong đời không ngộ được lẽ ấy, thả lỏng thân tâm, làm đủ việc dữ, ham muốn bốn tình, chẳng chút thẹn thùng. Chỉ dứt có món ăn ngoài mà tự coi là chay lạt, thật không đâu có được.

Còn việc lễ bái thì nên biết pháp, như thế này: trong là lí, phải sáng tỏ; ngoài là sự, biết quyền nghi. Có hiểu được vậy mới gọi là y pháp.

Phàm nói “lễ” tức nói “kính” nghĩa là coi nặng vậy.

Phàm nói “bái” tức nói “phục”, nghĩa là cúi xuống vậy.

Sở dĩ thế vì có cung kính chân tánh, khuất phục vô minh, mới gọi là lễ bái.

Nếu dứt hẳn được ác tình, hằng gìn thiện niệm, tuy chẳng xứng tướng, ấy gọi là lễ bái.

Tướng ấy, tức pháp tướng vậy.

Thế tôn muốn khiến cho thế tục tỏ lóng nhún thấp mới dạy lễ bái, tức là ngoài thì thân sụp xuống, trong thì lòng kính thêm, giác ngoài sáng trong, tánh và tướng hợp nhau.

Nếu không làm theo lí pháp ấy mà chỉ chấp trước cầu ngoài, trong ắt buông lung theo tham si, mãi gây nghiệp dữ, ngoài ắt nhọc nhằn thân tướng mà chẳng ích gì, đời lốt uy nghi, không thẹn với thánh, đối gạt với phàm, chẳng khỏi luân hồi, há thành công đức được sao?

Hỏi: Như lời kinh nói “dốc lòng niệm Phật chắc được vãng sanh qua cõi tịnh độ phương tây, chỉ cần theo một cửa ấy tức được thành Phật”, sao còn nói quán tâm để cầu giải thoát là gì?

Đáp: Phàm nói niệm Phật, cốt cần niệm chánh. Rõ nghĩa là chánh, không rõ nghĩa là tà. Niệm chánh chắc được vãng sanh. Còn niệm tà thì sao qua đó được?

Nói “Phật” là nói “giác”, tức tỉnh biết vậy: tỉnh biết để thấy rõ thân tâm mình, đừng khiến niệm dữ lừng lên vậy.

Nói “niệm” là nói “ức”, tức gìn nhớ vậy: gìn nhớ giữ giới hạnh, chẳng quên tinh tiến, có hiểu như vậy, mới gọi là niệm. Cho nên niệm cốt ở tâm, chẳng phải ở lời nói.

Mượn nơm đơm cá, được cá cần quên nơm,

Mượn lời cầu ý, được ý cần quên lời.

Đã xưng niệm Phật trên danh từ,

Nên biết niệm Phật trong đạo lí.

Nếu tâm không thực, thì miệng tụng tiếng suông, ba độc chất chồng, nhân ngã chèn lấp.

Đem tâm vô minh hưởng ngoài cầu Phật, nhọc sức ích gì.

Vả, tụng với niệm, nghĩa lí còn khác nhau xa.

Tại miệng, gọi là tụng.

Tại tâm, gọi là niệm.

Thế mới biết:

Niệm theo tâm mà khởi, đó là giác hạnh- cửa huyền.

Tụng theo miệng mà ra, đó là âm thanh tương đối.

Nên biết chư thánh ngày xưa tu niệm Phật, phải đâu nói ngoài miệng, chính là tìm xét trong tâm.

Tâm là nguồn của mọi pháp lành.

Tâm là chủ của muôn công đức.

Niết bàn thường vui do tâm mà ra.

Ba cõi lăn lóc cũng theo tâm mà dậy.

Tâm là cửa, là ngõ của đạo xuất thế.

Tâm là bến, là ả của đạo giải thoát.

Cửa ngõ đã biết, há lo khó vào?

Bến ả đã rõ, há ngại chẳng thông?

Cho nên nhiếp tâm được thì trong chiếu soi; giác quán được thì ngoài tỏ sáng;

Dứt ba độc khiến ngàn thuở tiêu tan,

Nhốt sáu giác khiến bật đường phá rối,

Tự nhiên hằng sa công đức, thấy thấy trang nghiêm,

Vô số pháp môn, mỗi mỗi thành tựu.

Vượt lên phàm, chứng vào thánh, mắt chẳng động xao,

Ngộ lại chốc liền, đợi gì lâu lắt.

Cửa chân sâu kín, thuật đủ được sao, đây chỉ trình bày sơ phép quán tâm đôi phần thôi vậy.

Và nói kệ rằng:

**I- Ngã bốn câu tâm tâm tự trì:**

*Cầu tâm bất đắc đãi tâm tri  
 Phật tánh bất tòng tâm ngoại đắc  
 Tâm sanh tiện thị tội sanh thì.  
 Ta vốn cầu tâm tâm tự trì  
 Cầu tâm chớ khá đợi tâm tri  
 Tánh Phật ngoài tâm không chứng được  
 Tâm sanh thì tội phát liền khi.*

## **II- Ngã bốn cầu tâm bất cầu Phật:**

*Liễu tri tam giới không vô vật  
 Nhược dục cầu Phật đản cầu tâm  
 Chỉ giá tâm tâm tâm thị Phật  
 Ta vốn cầu tâm chẳng cầu Phật  
 Rõ ra ba cõi không một vật  
 Ví muốn cầu Phật mà cầu tâm  
 Chỉ tâm tâm ấy tức là Phật.*

## **NHỊ CHỨNG NHẬP**

Phàm vào đạo có nhiều đường, nhưng nói cho cùng thì không ngoài hai đường này:

Một là lí nhập.

Hai là hạnh nhập.

Lí nhập là mượn “giáo” để ngộ vào “tông”, tin sâu vào tất cả sanh linh đều chung đồng một chân tánh, chỉ vì khách trần bên ngoài và vọng tưởng bên trong che lấp nên chân tánh không hiển lộ được.

Nếu bỏ vọng mà về chân, tinh thần ngưng trụ như vánh đá thì không thấy có ta có người, thánh phàm một bực như nhau; nếu một bực kiên cố không lay chuyển, lại cũng không lệ thuộc vào văn giáo, được như thế tức là ngầm hợp với lí, không chút sai biệt.

Vô vi một cách vắng lặng và hồn nhiên gọi là lí nhập.

Hạnh Nhập là nói về bốn hạnh, ngoài ra các hạnh khác đều bao gồm trong ấy.

Bốn hạnh là gì?

Một là báo quán hạnh.

Hai là tùy duyên hạnh.

Ba là vô sở cầu hạnh.

Bốn là xứng pháp hạnh.

### **1. Sao gọi là Báo Quán Hạnh?**

Người tu hành khi gặp cảnh khổ nên tự nghĩ như vậy:

“Ta từ bao kiếp trước buông lung không học, bỏ gốc theo ngọn, trôi giạt khắp nơi, nặng lòng thương ghét, gây hại không cùng. Đời nay tuy ta không phạm lỗi, nhưng nghiệp dữ gieo trù từ trước nay đến mùa kết trái chín muồi, điều ấy nào phải do trời hoặc người nào tạo ra đâu, vậy ta đành lòng nhẫn nhục chịu khổ, đừng nên oán trách”.

**Kinh nói:** “Gặp khổ không buồn”.

Vì sao vậy? Vì thấu suốt lí do của sự khổ vậy.

Khi tâm niệm ấy phát sanh, ấy là cùng với lí ứng hợp nhau.

Nương theo oán mà vào đạo nên nói là hạnh trả oán.

### **2. Hai là Tuỳ Duyên Hạnh:**

Chúng sanh đều do duyên nghiệp mà chuyển thành, chẳng có cái tôi. Mọi nỗi khổ vui đều do nhân duyên phát sanh. Nếu nay được quả báo tốt, hưởng đủ vinh dự, ấy là do nhân lành thuở trước cảm nên, nay mới được vậy. Hễ duyên hết thì lại hoàn không, mừng vui nỗi gì? Được mất gì tuỳ theo duyên, nhưng tâm người không vì vậy mà được thêm hoặc bớt mất gì.

Nếu thấu đáo được vậy thì gió vui chẳng động, lặng lẽ mà thuận đạo, nên nói là hạnh tuỳ thuận theo duyên nghiệp vậy.

### **3. Ba là Vô Sở Cầu Hạnh:**

Người đời mãi đắm mê, việc gì cũng tham trước, thế gọi là cầu.

Bậc trí ngộ được lẽ chân, chuyển ngược thế tục, nên tâm an trụ ở vô vi, thân hình tuỳ nghi mà vận chuyển.

Muôn vật đều là không, nên không có gì cầu vui được.

Công đức và sự cầu phước mù quáng lúc nào cũng đuổi nhau.

Ở lâu trong ba cõi khác nào ở trong nhà lửa.

Có thân ắt khổ, được gì mà vui?

Thông suốt được lẽ ấy ắt buông bỏ hết sự vật, dứt tưởng, chẳng cầu.

**Kinh nói:** “Còn cầu còn khổ. Hết cầu mới được vui”.

Xét biết không cầu mới thực là đạo hạnh nên nói là hạnh không cầu mong.

### **4. Bốn là Xứng Pháp Hạnh:**

Cái lí thanh tịnh của tự tánh gọi là pháp.

Tin hiểu được lẽ ấy thì mọi hình tướng hoá thành không, hết bị nhiễm trước, hết chấp hai bên.

Kinh nói: Pháp không có chúng sanh, vậy hãy lìa chúng sanh cấu. Pháp không có tướng ngã, vậy hãy lìa ngã cấu.

Bậc trí vì tin hiểu được vậy thì tuỳ xứng theo pháp mà hành

động.

Bốn thể của pháp vốn không tham lặn, cho nên dầu đem thân mạng và của cải ra mà bố thí vẫn không hối tiếc. Thấu rõ được ba cái không thì không còn ý lại và chấp trước. Chỉ cần gạt trừ trần cấu, tùy nghi mà giáo hoá chúng sanh, nhưng không mắc phải hình tướng, thế tức là tự hành, đã lợi cho người lại thêm làm trang nghiêm đạo Bồ-đề. Bố thí đã vậy thì năm độ khác cũng thế. Vì dứt trừ vọng tưởng mà hành phép tu sáu độ, nhưng thật ra không có gì gọi là hành cả nên nói là hạnh tùy xứng theo pháp.

Kệ rằng:

*Ngoại tức chư duyên  
Nội tâm vô đoan  
Tâm như tường bích  
Khả dĩ nhập đạo  
Minh Phật tâm tông  
Đẳng vô sai ngộ  
Hành giải tương ưng  
Danh chi viết tổ.*

Nghĩa:

*Ngoài dứt muôn duyên  
Trong bất nghĩ tưởng  
Tâm như vách tường  
Mới là vào đạo  
Sáng Phật tâm tông  
Thấy không sai ngộ  
Làm hiểu hợp nhau  
Ấy gọi là tổ.  
An Tâm Pháp Môn  
Khi mê, người đuổi theo pháp  
Lúc tỉnh, pháp đuổi theo người  
Tỉnh, ấy tâm thức thấu nhiếp vật sắc  
Mê, ấy vật sắc thấu nhiếp tâm thức.*

Chỉ một chút phân biệt cân nhắc của tâm là tự nơi mình mọi hiện lượng đều là mộng cả.

Nếu nhận biết tâm mình vốn tịch diệt, không đâu là chỗ niệm cả, đó gọi là chánh giác.

Hỏi: Sao gọi là hiện lượng của tâm mình?

Đáp: Khi thấy các pháp là “có”: có, nhưng chẳng phải tự nó có,



mà nhân suy lường nên cho là có.

Khi thấy các pháp là “không”: không nhưng chẳng phải tự nó không, mà nhân suy lường nên cho là không.

Nói rộng ra thì tất tất đều như vậy cả, toàn do tâm mình suy lường ra mà cho là có, mà cho là không.

Còn người nào trót gây đủ thứ tội mà tự thấy được vị Pháp vương của chính mình, tức được giải thoát.

Tự trên sự vật vươn lên mà tỏ suốt, đó là hàng khí lực mạnh.

Tự trong sự vật thấy đúng pháp, đó tức là người đầu đầu vẫn chẳng mất niệm.

Theo chữ nghĩa mà thông rõ, đó là người khí lực kém.

Sự tức là pháp, pháp tức là sự, ai rõ sâu lẽ ấy tự nhiên thuận theo mọi động tác của thân mình, thế tất người ấy chẳng ra pháp giới mà cũng chẳng vào pháp giới.

Nếu đem pháp giới vào pháp giới, đó là người si.

Hễ thấy còn có thi vi, ắt không khi nào ra được tâm pháp giới.

Tại sao vậy? Vì bốn thể của tâm tức là pháp giới đó.

Hỏi: Người đời học hỏi đủ thứ, tại sao không được đạo?

Đáp: Vì người ấy không tự thấy mình nên không được đạo. “Mình” ấy, tức “ta” ấy vậy.

Bạc chí nhân nhập khổ chẳng lo, gặp vui chẳng mừng, ấy vì không thấy có mình đó. Sở dĩ không biết khổ vui, vì quên mất mình đi trong trạng thái hư vô đó.

Chính mình mình còn quên, thì còn cái gì nữa mà chẳng quên được?

Hỏi: Các pháp đã là không thì dựa vào gì mà tu đạo?

Đáp: Nếu có dựa vào gì thì cần tu đạo.

Nếu không có gì để dựa, tức chẳng cần tu đạo.

“Cái gì” ấy, tức “cái ta” đó vậy. Nếu không có cái ta thì đối với sự vật chẳng sanh lòng phải quấy.

Phải, chính là tự “ta” phải, mà vật thì chẳng phải vậy.

Quấy, chính là tự “ta” quấy, mà vật thì chẳng quấy vậy.

Đối tâm mà không tâm mới thông đạt đạo Phật.

Đối vật mà không dấy lên cái thấy, mới là đạt đạo.

Đứng trước vật, người nào đạt thẳng biết suốt đến căn nguyên, tức người ấy mở thông mất huệ.

Người trí tùy vật chẳng tùy mình, nên không có giữ bỏ thuận nghịch.

Chẳng thấy gì hết, gọi là thấy đạo.  
 Chẳng làm gì hết, gọi là làm đạo.  
 Cho nên bất cứ đâu đâu cũng như không đâu, bất cứ làm gì cũng  
 như không làm, đó tức là thấy Phật.  
 Bằng thấy tướng ở đâu tức thấy quý ở đó.  
 Vì giữ tướng nên đoạ địa ngục.  
 Vì xét pháp nên được giải thoát.  
 Nếu thấy tướng, nhớ tướng, rồi phân biệt, tức chịu mọi cảnh khổ  
 lửa phồng nước sôi, thấy hiện trước mắt tướng sanh tử.  
 Nếu thấy tánh của pháp giới, tức thấy tánh niết bàn.  
 Không có tướng nhớ phân biệt, tức đó là tánh pháp giới.  
 Tâm chẳng phải sắc nên chẳng phải có.  
 Dùng máy vẫn không hết nên chẳng phải không.  
 Dùng mà vẫn thường không nên chẳng phải có.  
 Không mà vẫn dùng hoài nên chẳng phải không.  
 Tức nói kệ rằng:

**I. Tâm tâm tâm:**

*Nan khả tâm.  
 Khoan thời biến pháp giới  
 Trách già bất dung tâm  
 Tâm tâm tâm.  
 Khó nổi tâm  
 Tung ra bao trùm pháp giới  
 Thâu lại chẳng đầy mũi kim.*

**II. Diệc bất đồ ác nhi sanh hiêm:**

*Diệc bất quán thiện nhi cần thố.  
 Diệc bất xả trí nhi cận ngu  
 Diệc bất phao mê nhi tỵ ngộ  
 Đạt đại đạo hề quá lượng  
 Thông Phật tâm hề xuất độ  
 Bất dữ phàm thánh đồng triền  
 Siêu nhiên danh chi viết Tổ.  
 Cũng đừng thấy dữ mà sanh ghét  
 Cũng đừng ham lành mà đắm mộ  
 Cũng đừng bỏ trí mà gần ngu  
 Cũng đừng buông mê mà cầu ngộ.*

Được vậy thì:

*Chứng đạo lớn hề rộng vô lượng*

*Sáng tâm Phật hệ lớn vô biên  
 Chẳng cùng phàm thánh mãi quàng xiên  
 Vượt lên tất cả gọi là Tổ.*

Ngộ Tánh Luận

Phàm là đạo, phải lấy sự tịch diệt làm thể,

Còn tu, lấy sự lìa hình tướng làm tông.

Nên kinh nói: Tịch diệt là Bồ-đề.

Diệt hết hình tướng đó.

Là Phật, nghĩa là Giác vậy.

Người có giác tâm, được đạo Bồ-đề, nên gọi là Phật.

**Kinh nói:** Lìa tất cả hình tướng tức gọi là chư Phật.

Mới biết có tướng là tướng của không tướng, cho nên không thể thấy bằng mắt mà chỉ biết được bằng trí.

Ai nghe pháp ấy mà chợt phát lòng tin, là người ấy đang nương pháp đại thừa siêu lên ba cõi.

Ba cõi ấy, tham sân si ấy vậy.

Chuyển ngược tham sân si làm giới định huệ tức gọi siêu lên ba cõi.

Tuy nhiên, tham sân si chẳng có thực tính, chỉ bằng vào chúng sanh mà đặt tên. Nếu có thể soi ngược trở lại thì sẽ thấy tỏ rõ:

Tánh của tham sân si tức là tánh Phật.

Ngoài tham sân si tuyệt không có tánh Phật nào khác.

**Kinh nói:** Từ vô thủy đến nay, chư Phật luôn luôn cư xử ở nơi ba độc, nuôi lớn ở trong bạch pháp, mà thành tựu ở quả Thế Tôn.

Ba độc ấy, tham sân si ấy vậy.

Nói đại thừa tối thượng thừa là nói chỗ sở hành của hàng Bồ tát.

Không gì là chẳng thừa mà cũng không gì gọi được là thừa, suốt ngày thừa mà chưa hề thừa, đó gọi là Phật thừa.

**Kinh nói:** Lấy vô thừa làm Phật thừa vậy.

Nếu người biết sáu căn vốn không thực, năm uẩn chỉ giả danh, không thể dựa vào đâu mà cầu cạnh gì được, người ấy quả thông suốt lời Phật.

**Kinh nói:** Hang ổ của năm uẩn là tên gọi của thiền viện.

Chiếu sáng bên trong mà mở thông suốt tức là cửa đại thừa.

Chẳng nhớ tưởng một pháp nào mới gọi là thiền định.

Ví hiểu rõ lời ấy thì đi đứng nằm ngồi thấy đều thiền định cả.

Biết tâm vốn là không, đó gọi là thấy Phật.

Tại sao vậy?

Vì mười phương chư Phật đều nhân vì vô tâm chẳng thấy ở tâm, đó gọi là thấy Phật.

Xả tâm không nuôi tiếc gọi là đại bố thí.

Lìa hết động và định gọi là đại toạ thiền.

Tại sao vậy?

Kẻ phàm mỗi mỗi đều hướng về động.

Hàng Tiểu thừa mỗi mỗi đều hướng về định.

Vượt lên cả cái lầm hiểu động của phàm phu và hiểu định ngòi thiền của Tiểu thừa mới gọi là đại toạ thiền.

Nếu có được sức lãnh hội ấy thì chẳng cần lìa mà tướng tướng tự cõi bỏ, chẳng cần trị mà bệnh bệnh tự trừ, ấy đều là định lực của phép đại thiền.

Phàm đem tâm cầu pháp, ấy là mê.

Chẳng đem tâm cầu pháp, ấy là ngộ.

Chẳng mắc vào chữ nghĩa gọi là giải thoát.

Chẳng nhiễm sáu trần gọi là hộ pháp.

Xuất lìa sanh tử gọi là xuất gia.

Chẳng chịu hậu hữu gọi là được đạo.

Chẳng nổi vọng tưởng gọi là niết bàn.

Chẳng đối xử với vô minh gọi là trí huệ lớn.

Chỗ không phiền não gọi là bát niết bàn.

Chỗ không tướng gọi là bờ bên kia.

Khi mê thì có bờ bên này.

Khi ngộ thì không bờ bên này.

Tại sao vậy?

Vì kẻ phàm phu mỗi mỗi đều xu hướng trụ ở bên này.

Vì giác được phép tối thượng thừa thì tâm chẳng trụ bên này cũng chẳng trụ bên kia, nên lìa được cả hai bờ bên này và bên kia vậy.

Nếu thấy bờ kia khác với bờ này, ắt người ấy tâm chưa có thiền định.

Phiền não gọi là chúng sanh.

Tổ ngộ gọi là Bồ-đề.

Đó chẳng phải là giống nhau mà cũng chẳng phải khác nhau, chỉ nhân vì mê ngộ mà cách biệt nhau.

Khi mê thì thấy có thế gian cần thoát ra.

Khi ngộ thì không có thế gian nào để mà thoát ra cả.

Trong pháp bình đẳng chẳng thấy phàm khác với thánh.

**Kinh nói:** Pháp bình đẳng ấy, người phàm không thể vào, mà bậc

thánh cũng không thể hành được.

Pháp bình đẳng ấy, chỉ có hàng Bồ tát lớn cùng chư Phật Như Lai mới hành được vậy.

Nếu thấy sống khác với chết, động khác với tịnh, đó gọi là chẳng bình đẳng.

Chẳng thấy phiền não khác với niết bàn, ấy gọi là bình đẳng.

Tại sao vậy?

Vì phiền não với niết bàn đều chung đồng một tánh không vậy.

Do đó, hàng Tiểu thừa vọng dứt phiền não, vọng vào niết bàn, nên trệ ở niết bàn.

Hàng Bồ tát, trái lại, biết rõ tánh không của phiền não, tức chẳng lìa bỏ cái không, nên lúc nào cũng ở lại niết bàn.

Phàm nói niết bàn: Niết là không sanh, bàn là không tử.

Lìa ngoài sanh tử gọi là bát niết bàn.

Tâm không lại qua tức vào niết bàn.

Nên biết niết bàn tức là tâm không.

Chư Phật vào niết bàn ấy, tức vào cõi không vọng tưởng. Bồ tát vào đạo trường ấy, tức vào cõi không phiền não.

Cõi vắng không ấy, tức cõi không tham sân si vậy.

Tham là cõi Dục.

Sân là cõi Sắc.

Si là cõi Vô sắc.

Nếu bỗng chốc thoát sanh tâm, tức đi vào ba cõi.

Mới hay ba cõi sanh diệt, muôn pháp có không, đều do một tâm.

Hễ nói một tâm tựa hồ như phá vào cái thế giới vật chất vô tình của ngôi cây gỗ đá.

Nếu biết tâm chỉ là một tiếng gọi suông, không thực thể, tức biết cái tâm tự tịch ấy chẳng phải có mà cũng chẳng phải không.

Tại sao vậy?

Vì phàm phu mỗi mỗi đều có xu hướng sanh tâm nên gọi là “có”.

Hàng Tiểu thừa mỗi mỗi đều có xu hướng diệt tâm nên gọi là “không”.

Hàng Bồ tát và Phật chưa từng sanh tâm, chưa từng diệt tâm nên gọi là “chẳng phải có tâm chẳng phải không tâm”.

Cái tâm chẳng có chẳng không ấy gọi là trung đạo.

Bởi vậy đem tâm học pháp thì tâm pháp thấy đều mê.

Chẳng đem tâm học pháp ắt tâm pháp thấy đều ngộ.

Phàm mê là mê ở ngộ.

Còn ngộ là ngộ ở mê.

Bậc chánh kiến hiểu tâm vốn “không vô”, tức vượt lên mê ngộ.

Không có mê ngộ mới gọi là chánh giác chánh kiến.

Sắc không thể tự nó là sắc, do tâm nên có sắc.

Tâm không thể tự nó là tâm, do sắc nên có tâm.

Cho nên hai tướng tâm và sắc đều có sanh diệt.

Nói “có” là có do ở “không”

Nói “không” là không do ở “có”

Đó mới là thấy chân thực.

Phàm thấy thực thì không gì là chẳng thấy mà cũng không gì mà không chẳng thấy, thấy khắp mười phương mà vẫn chưa từng có thấy.

Tại sao vậy?

Vì không có gì để thấy vậy, vì thấy cái không thấy vậy, vì thấy cái chẳng phải là thấy vậy.

Cái thấy của kẻ phàm đều là vọng tưởng.

Nếu tịch diệt không có thấy mới là thấy thực.

Tâm và cảnh đối nhau, cái thấy phát sanh từ cái thế đối đãi ấy.

Nếu trong chẳng khởi tâm thì ngoài chẳng sanh cảnh.

Cho nên tâm và cảnh có lắng hết cả hai thì mới gọi là chân kiến.

Và cái hiểu trong lúc ấy mới gọi là chánh kiến.

Chẳng thấy một pháp nào mới gọi là được đạo.

Chẳng hiểu một pháp nào mới gọi là hiểu pháp.

Tại sao vậy?

Vì thấy cùng chẳng thấy, đều chẳng thấy vậy.

Hiểu cùng chẳng hiểu, đều chẳng hiểu vậy.

Thấy cái chẳng thấy, mới gọi là thấy thực.

Hiểu cái chẳng hiểu, mới gọi là hiểu thực.

... Phàm có cái hiểu đều là chẳng hiểu.

Không có cái hiểu mới là thực hiểu.

Hiểu cùng chẳng hiểu đều chẳng phải hiểu vậy.

**Kinh nói:** Chẳng xả trí huệ gọi là ngu si.

Lấy tâm làm không thì hiểu cùng chẳng hiểu đều là chân cả.

Chấp tâm là có thì hiểu cùng chẳng hiểu đều là vọng cả.

Khi hiểu rồi thì pháp đuổi theo người.

Khi chưa hiểu thì người đuổi theo pháp.

Nếu pháp đuổi theo người, ắt cái chẳng phải là pháp hoá thành pháp.

Nếu người đuổi theo pháp, pháp hoá thành cái chẳng phải là pháp.

Nếu người đuổi theo pháp thì pháp pháp đều là vọng.

Nếu pháp đuổi theo người thì pháp pháp đều là chân.

Cho nên bậc thánh

Cũng chẳng đem tâm cầu pháp

Cũng chẳng đem pháp cầu tâm

Cũng chẳng đem tâm cầu tâm

Cũng chẳng đem pháp cầu pháp.

Vì thế tâm chẳng sanh pháp, pháp chẳng sanh tâm, tâm và pháp tịch cả hai nên lúc nào cũng ở trong định.

Tâm của chúng sanh sanh ắt pháp Phật diệt.

Tâm của chúng sanh diệt ắt pháp Phật sanh.

Tâm sanh ắt chân pháp diệt.

Tâm diệt ắt chân pháp sanh.

...Khi mê thì (thấy) có tội.

Khi hiểu thì (thấy) không có tội.

Tại sao vậy?

Vì tội tánh vốn là không vậy

Khi mê thì không tội thấy có tội.

Nếu hiểu rồi thì đối tội thấy không tội.

Tại sao vậy?

Vì tội không có gốc gác đâu cả.

**Kinh nói:** Muôn pháp đều không tự tánh, cứ dùng nó đừng ngờ, ngờ tức thành tội.

Tại sao vậy?

Vì tội do nghi ngờ mà sanh ra.

Nếu thấu suốt được lẽ ấy thì bao nhiêu tội nghiệp đời trước đều tiêu tan hết.

Khi mê thì sáu thức năm ấm đều là pháp phiền não sanh tử.

Khi ngộ thì sáu thức năm ấm đều là pháp niết bàn không sanh tử.

Người dốc lòng tu chớ cầu đạo ở bên ngoài.

Tại sao vậy?

Vì tâm tức là đạo vậy.

Khi được tâm rồi, mới hay không tâm nào có thể được.

Khi được đạo rồi, mới hay không đạo nào có thể được.

Nếu nói đem tâm ra cầu mà được đạo, đó gọi là tà kiến.

Khi mê thì có Phật có pháp  
 Ngộ rồi thì không Phật không pháp.  
 Tại sao vậy?  
 Vì ngộ tức là Phật pháp.  
 ... Khi mắt thấy sắc chẳng nhiễm nơi sắc.  
 Khi tai nghe tiếng chẳng nhiễm nơi tiếng, thế đều là giải thoát  
 cả.  
 Mắt không dính sắc thì mắt là cửa thiền.  
 Tai không dính tiếng thì tai là cửa thiền.  
 Nói gom lại hết thì thấy được tánh của sắc là lúc nào cũng giải  
 thoát.  
 Thấy tướng của sắc thì lúc nào cũng là trói buộc.  
 Không vì phiền não mà bị trói buộc, tức gọi là giải thoát, ngoài ra  
 không có sự giải thoát nào khác.  
 Khéo quán xét sắc thì rõ ràng sắc chẳng sanh nơi tâm, tâm chẳng  
 sanh nơi sắc, tức cả sắc và tâm đều thanh tịnh cả hai.  
 Khi không vọng tưởng thì một tâm là một nước Phật.  
 Khi có vọng tưởng thì một tâm là một địa ngục.  
 Chúng sanh xây dựng vọng tưởng, đem tâm sanh tâm, nên lúc nào  
 cũng ở nước Phật.  
 Nếu đem tâm sanh thì tâm tâm chẳng tịnh, tâm quay về không,  
 niệm niệm trở về tịnh, vào đủ nước Phật, đến đủ nước Phật.  
 Nếu đem tâm sanh thì tâm chẳng tịnh, niệm niệm hưởng động,  
 vào đủ địa ngục, qua đủ địa ngục.  
 Nếu một thoáng tâm dấy lên, ắt có thiện ác hai nghiệp, có thiên  
 đường địa ngục.  
 Nếu một thoáng tâm không dấy lên, ắt không thiện ác hai nghiệp,  
 cũng không thiên đường địa ngục.  
 ... Thánh nhân vốn không tâm, nên trong thì trống rỗng bao la,  
 cùng với hư không chẳng khác.  
 Khi tâm được niết bàn tức chẳng thấy có niết bàn.  
 Tại sao vậy?  
 Vì tâm là niết bàn.  
 Nếu ngoài tâm lại thấy có niết bàn, đó là mắc phải tà kiến vậy.  
 Tất cả phiền não là hột giống của Như Lai, vì nhân có phiền não  
 mới được trí huệ.  
 Ta chỉ nên nói phiền não “sanh” Như Lai, không thể nói phiền  
 não “là” Như Lai.



Cho nên cần lấy thân tâm làm ruộng rẫy, phiền não làm hạt giống, trí huệ làm mầm mống, còn Như Lai thì ví như lúa thóc vậy.

Phật ở trong tâm như (trầm) hương ở trong cây.

Phiền não nếu hết thì Phật theo tâm ra.

Vỏ mục nếu hết thì hương theo cây ra.

Mới biết ngoài cây không có hương, ngoài tâm không có Phật.

Nếu ngoài cây có hương, ấy tức là hương ngoài của cây khác.

Nếu ngoài tâm có Phật, ấy tức là Phật ngoài của ai khác.

Trong tâm có ba độc, đó gọi là quốc độ dơ xấu.

Trong tâm không có ba độc, đó gọi là quốc độ thanh tịnh.

**Kinh nói:** Nếu khiến cho quốc độ đục vẫn dơ xấu cứ dấy đầy lên, rồi chừa Phật Thế Tôn sẽ từ trong đó xuất hiện ra, điều ấy không có được.

Cái vẫn đục dơ xấu ấy, tức là ba độc vô minh vậy.

Chư Phật Thế Tôn ấy, tức là tâm thanh tịnh giác ngộ vậy.

Tất cả sự nói năng, không gì chẳng là pháp Phật.

Nếu tự nơi mình không có lời nói thì nói suốt ngày vẫn là đạo.

Nếu tự nơi mình có lời nói thì im suốt ngày vẫn chẳng là đạo.

Cho nên ở Như Lai, lời nói không nương theo im lặng, im lặng không nương theo lời nói, lời nói không lìa im lặng, nói và im đều ở nơi tam muội cả.

Nếu khi biết mà nói thì lời nói cũng giải thoát.

Nếu khi không biết mà im lặng thì im lặng cũng trói buộc.

Cho nên nói mà lìa tướng thì lời nói cũng gọi là giải thoát.

Còn im lặng mà dính tướng thì im lặng cũng là trói buộc.

...Lìa tâm không Phật.

Lìa Phật không tâm.

Cũng như lìa nước không băng.

Cũng như lìa băng không nước.

Nói “lìa tâm không Phật” chẳng phải là xa lìa tâm, mà chỉ khiến đừng chấp vào hình tướng của tâm.

**Kinh nói:** “không tướng gọi là thấy Phật”, tức là lìa hình tướng của tâm vậy.

“Lìa Phật không tâm” là nói Phật từ tâm ra. tâm có thể sanh ra Phật, nên Phật theo tâm mà sanh, nhưng Phật chưa hề sanh ra tâm bao giờ.

Cũng như cá sanh ở nước, nhưng nước không thể sanh ở cá.

Cho nên muốn xem cá, cá chưa thấy mà trước hết đã thấy nước.

Cũng vậy muốn xem Phật, Phật chưa thấy mà trước hết đã thấy tâm.

Mới biết cá thấy rồi cần quên nước.

Phật thấy rồi cần quên tâm.

Nếu không quên được tâm thì sẽ vì tâm mà lầm nữa.

Nếu không quên được nước thì sẽ vì nước mà mê nữa.

Chúng sanh với Bồ-đề cũng như nước với băng.

Vì ba độc nung đốt nên gọi là chúng sanh.

Vì ba giải thoát gột sạch nên gọi là Bồ-đề.

Vì đông lạnh trong tiết đông nên gọi là băng.

Vì tan chảy trong lửa hè nên gọi là nước.

Nếu bỏ băng đi, ắt không có Bồ-đề nào khác.

Đủ rõ tánh của băng tức là tánh của nước.

Tánh của nước tức là tánh của băng.

Cũng vậy, tánh của chúng sanh tức là tánh của Bồ-đề vậy.

Chúng sanh cùng với Bồ-đề đều chung nhau một tánh.

Cũng như hai vị thuốc ô đầu và phụ tử, đều chung một gốc, chỉ vì thời tiết mà khác nhau, cũng vậy, vì mê và ngộ hai cảnh khác nhau nên có hai tên gọi chúng sanh và Bồ-đề.

Rắn hoá thành rồng vẫn không đổi vảy.

Phàm biến thành thánh vẫn không đổi mặt.

Mới hay tâm ấy, trong trí huệ chiếu, thân ấy, ngoài giới luật vững.

Chúng sanh độ Phật

Phật độ chúng sanh

Vậy gọi là bình đẳng.

Chúng sanh độ Phật ấy: phiền não nấy sanh tỏ ngộ.

Phật độ chúng sanh ấy: tỏ ngộ phá trừ phiền não.

... Khi mê thì Phật độ chúng sanh.

Khi ngộ thì chúng sanh độ Phật.

Tại sao vậy?

Vì Phật không thể tự nhiên thành, mà đều do chúng sanh độ nên vậy.

Chư Phật lấy vô minh làm cha, lấy tham ái làm mẹ.

Vô minh và tham ái đều là tên gọi khác của chúng sanh vậy.

Chúng sanh với vô minh cũng như tay trái với tay mặt, rốt cùng chẳng khác nhau vậy.

Khi mê thì ở bờ bên này.

Khi ngộ thì ở bờ bên kia.  
 Vì biết tâm vốn là không thì chẳng thấy tướng, ắt lìa cả mê và ngộ.

Mê ngộ đã lìa, ắt không bờ bên kia.

Như Lai không ở bờ bên này, cũng không ở bờ bên kia, không ở giữa dòng.

Ở giữa dòng: hàng tiểu thừa vậy.

Ở bờ bên này: phàm phu vậy

Ở bờ bên kia: Bồ tát vậy.

Phật có ba thân: hoá thân, báo thân, và pháp thân.

Nếu chúng sanh luôn luôn làm theo căn lành: tức hoá thân hiện.

Tu trí tuệ: tức báo thân hiện.

Giác vô vi: tức pháp thân hiện.

Bay lướt mười phương, tùy nghi mà cứu độ: Phật hoá thân vậy.

Dứt mê hoặc, tu thiện pháp, thành đạo trên núi tuyết: Phật báo thân vậy.

Không lời không nói, vắng lặng thường trụ: Phật pháp thân vậy.

Bằng luận cùng lẽ thì một Phật còn chẳng có, huống nữa là ba.

Nói ba thân đó là dựa theo căn trí con người có thượng, trung và hạ.

Người hạ trí bôn chôn vọng cầu phước vọng thấy hoá thân Phật.

Người trung trí vọng dứt phiền não, vọng thấy báo thân Phật.

Người thượng trí vọng chứng Bồ-đề, vọng thấy pháp thân Phật.

Người thượng thượng trí vắng lặng tròn đầy soi chiếu bên trong, sáng tâm tức là Phật, chẳng đợi tâm mà được Phật.

Thế mới ba thân cùng muôn pháp đều không giữ được, không nói được đó tức là tâm tự nhiên giải thoát, thành tựu đạo lớn.

**Kinh nói:** “Phật chẳng nói pháp, chẳng độ chúng sanh, chẳng chứng Bồ-đề” là như vậy đó.

Chúng sanh tạo nghiệp

Nghiệp tạo chúng sanh

Đời nay tạo nghiệp

Đời sau chịu báo, thuở nào thoát khỏi.

Chỉ bậc chí nhân, ở trong thân này, không tạo các nghiệp nên chẳng chịu báo.

**Kinh nói:** “Các nghiệp chẳng tạo, tự nhiên được đạo”, há lời nói suông ru!

Người tạo ra nghiệp

Nghiệp không thể tạo ra người.

Người nếu tạo nghiệp thì nghiệp với người cùng sanh.

Người nếu không tạo nghiệp thì nghiệp với người cùng diệt.

Mới biết nghiệp do người tạo, người do nghiệp sanh.

Nếu người không tạo nghiệp, tức nghiệp chẳng do người sanh vậy.

Cũng như người có thể nâng đạo, đạo không thể nâng người.

Kẻ phàm phu ngày nay luôn luôn tạo nghiệp, lại nói bừa là không có quả báo, há chẳng khó nghe sao?

Bằng luận cho cùng lẽ: tâm trước tạo, tâm sau báo, đời nào thoát được?

Nếu tâm trước không tạo, tức tâm sao không báo, vậy còn vọng thấy nghiệp báo được sao?

**Kinh nói:** Tuy tin có Phật, lại nói Phật bị quả báo đói ăn lúa ngựa, gươm vàng đâm chân, đó gọi là lòng tin chưa trọn đủ, là nhất xiển đề.

Người hiểu pháp thánh gọi là thánh nhân.

Người hiểu pháp phàm gọi là phàm phu.

Chỉ cần xả pháp phàm là thành pháp thánh, tức phàm phu thành thánh nhân vậy.

Kẻ ngu trong đời chỉ mong cầu thánh viễn vông, chẳng tin rằng chính cái tâm huệ giải là thánh nhân vậy.

**Kinh nói:** Đối với người vô trí, đừng nói kinh này.

Kinh này, là tâm vậy, là pháp vậy.

Người vô trí không tin chính cái tâm sáng tỏ được pháp này làm thành bậc thánh. Họ chỉ mải cầu xa, học ngoài, mền chuộng hình tượng Phật ngoài trời cùng ánh sáng hương sắc đủ thứ, toàn là việc làm đoạ tà kiến, mất tâm, cùn trí.

**Kinh nói:** Nếu thấy các tướng chẳng phải tướng, tức thấy Như Lai.

Tám vạn bốn ngàn pháp môn thấy do một tâm mà mống vậy

Nếu trong lắng hết tâm tướng, giống như hư không, tức tự trong thân tâm xa lìa hết tám vạn bốn ngàn căn bệnh phiền não vậy.

Phàm phu đang sống sợ chết, vừa no lo đói, thật quá đổi mê hoặc. Cho nên bậc chí nhân chẳng tính việc đã qua, chẳng lo việc chưa đến, không xáo động việc bây giờ, niệm niệm trở về đạo.

Kệ đem ngồi tịnh rằng:

*Nhất canh đoan toạ kiết già phu.*

*Di thân tịch chiếu hung đồng hư*

Khoáng kiếp do lai bất sanh diệt  
 Hà tu sanh diệt diệt sanh cừ?  
 Nhất thiết chư pháp giai như huyễn  
 Bốn tánh tự không na dụng trừ!  
 Nhược thức tâm tánh ohi hình tượng  
 Trạm nhiên bất động tự như như.  
 Đoan trang Canh Một tịnh ngời tu  
 Tịch chiếu tinh thần tựa thái hư  
 Muôn kiếp vốn không sanh với diệt  
 Học đòi sanh diệt diệt gì ư?  
 Gã xem các pháp trò ma ảo  
 Tánh vốn là không uổng sức trừ!  
 Ví biết tâm mình không tướng mạo  
 Lặng im chẳng động tự như như.  
 Nhị Canh ngưng thần chuyển minh tịnh  
 Bất khởi ức tướng chân như tính  
 Sum la vạn tượng tịnh qui không  
 Cảnh pháp hữu không hoàn thị bệnh  
 Chư pháp bốn tự phi không hữu  
 Phàm phu tưởng luận tà chính  
 Nhược năng bất nhị kì cư hoài  
 Thủy đạo tức phàm phi thị thánh. Canh  
 Hai ngưng thần chuyển minh tịnh  
 Chẳng tưởng chẳng nhớ chân như tính  
 Um tùm muôn tượng trở về không  
 Chấp có chấp không lại vẫn bệnh  
 Các pháp như nhiên chẳng có không  
 Phàm phu tưởng quý bàn tà chính  
 Ví biết gìn lòng lẽ “chẳng hai”  
 Ai nói tức phàm chẳng phải thánh.  
 Tam Canh tâm tịnh đấng hư không  
 Biến mãn thập phương vô bất không  
 Sơn hà thạch bích vô năng chướng  
 Hằng sa thế giới tại kì trung  
 Thế giới bốn tánh chân như tánh  
 Diệc vô bốn tánh tức hàm dung  
 Phi đản chư Phật năng như thử  
 Hữu tình chi loại phổ giai đồng.

Canh Ba tâm tịnh sáng hư không  
 Rộng khắp mười phương đâu chẳng thông  
 Tường vách núi sông không cản ngại  
 Bao là vũ trụ tự nơi trong  
 Tánh của càn khôn là Phật tánh  
 Cũng không bốn tám tức hàm dung  
 Nào phải riêng đâu chừ Phật được  
 Hữu tình muôn loại vẫn chung đồng.  
 Tứ Canh vô diệt diệt vô sanh  
 Lượng dữ hư không pháp giới bình  
 Vô lai vô khứ vô khởi diệt  
 Phi hữu phi vô phi ám minh  
 Vô khởi tri kiến Như Lai kiến  
 Vô danh khả danh chân Phật danh  
 Duy hữu ngộ giả ứng năng thức  
 Vị hội chúng sanh do nhược manh  
 Canh Tư không diệt cũng không sinh  
 Rộng ví hư không pháp giới bình  
 Không qua không lại không còn mất  
 Chẳng có chẳng không chẳng ám minh  
 Không vọng thấy gì: Như Lai thấy  
 Không gọi được danh: chân Phật danh  
 Ai có ngộ qua rồi mới hiểu  
 Chúng sanh chưa rõ bởi thông manh.  
 Ngũ Canh Bát-nhã chiếu vô biên Bát  
 khởi nhất niệm lịch tam thiên Dục  
 kiến chân như bình đẳng tánh Thận  
 vật sanh tâm tức mục tiền Diệu lí  
 huyền ảo phi tâm trặc  
 Bất dụng tâm trực linh bì cực  
 Nhược năng vô niệm tức chân cầu  
 Cách nhược hữu cầu hoàn bất thức.  
 Canh Năm Bát-nhã chiếu vô biên  
 Chẳng khởi một niệm trải tam thiên  
 Muốn thấy chân như tánh bình đẳng  
 Khéo chớ sanh tâm: trước mắt liền  
 Lẽ ấy diệu huyền không lượng được  
 Dụng công đuổi bắt thêm nhọc sức

*Nếu không một niệm khéo chân câu  
Còn có tâm câu chưa tỉnh thức*

Tụng chân tánh rằng:

Huyết Mạch Luận.

Ba cõi dấy lên cùng về một tâm.

Phật trước Phật sau đều lấy tâm truyền qua tâm, chẳng lập văn tự.

Hỏi: Nếu chẳng lập văn tự thì lấy gì làm tâm?

Đáp: Người hỏi ta, tức đó là tâm người.

Ta đáp người, tức đó là tâm ta.

Nếu ta không tâm, nhân đâu mà giải đáp cho người.

Nếu người không tâm, nhân đâu mà thưa hỏi ta.

Hỏi ta, tức là tâm người đó.

Từ vô số kiếp âm u đến nay, tất cả hành vi động tác nào, bất cứ thời nào, bất cứ nơi đâu, đều do nơi bốn tâm của người, đều do nơi bốn Phật của người. Nói tâm là Phật thì cũng như vậy đó.

Trừ tâm ấy ra, quyết không có Phật nào khác chứng được.

Lìa tâm ấy ra mà tìm Bồ-đề niết bàn, không đâu có được.

Cái chân thực của tự tánh chẳng phải nhân chẳng phải quả.

Pháp tức là ý nghĩa của tâm

Tự tâm là Bồ-đề.

Tự tâm là niết bàn.

Nếu nói ngoài tâm có thể chứng được Phật cùng Bồ-đề niết bàn, điều ấy không đâu có được.

Phật và Bồ-đề ở tại đâu chứ?

Ví như có người dang tay đón bắt hư không, có thể nắm được không? Hư không chỉ là một tên gọi, tuyệt không tướng mạo, nên nắm chẳng được, buông chẳng được: không thể bắt cái không vậy.

Cũng vậy, trừ tâm ấy ra mà tìm Phật, rốt chẳng tìm được vậy.

Phật là tự tâm tạo nên, sao lại lìa tâm ấy mà tìm Phật? Cho nên Phật trước Phật sao chỉ nói đến tâm.

Tâm tức là Phật

Phật tức là tâm

Ngoài tâm không Phật

Ngoài Phật không tâm.

Nếu nói ngoài tâm có Phật, Phật ở nơi nào?

Ngoài tâm vốn đã không Phật, sao còn vọng thấy Phật, lại lần lượt phỉnh gạt nhau, đã không rõ suốt được tâm mình lại còn bị ngoại

vật vô tình thâm nhiếp đến không còn chút tự do phân biệt nữa.

Nếu người vẫn không tin điều ấy, ấy là tự người phỉnh gạt người chớ có ít gì.

Phật không lầm lỗi.

Chỉ vì chúng sanh điên đảo nên không tự giác tự tri được chính tâm mình là Phật.

Nếu biết tâm mình là Phật ắt chẳng nên tìm Phật ngoài tâm như vậy.

Phật chẳng độ Phật.

Đem tâm mà tìm Phật tức không hiểu Phật.

Kẻ nào tìm Phật ở ngoài, kẻ ấy hoàn toàn chẳng biết tâm mình là Phật.

Mà cũng đừng đem Phật ra lay Phật

Đừng đem tâm ra niệm Phật

Phật chẳng tụng kinh

Phật chẳng giữ giới.

Phật chẳng phạm giới.

Phật chẳng giữ chẳng phạm, cũng chẳng tạo lành tạo dữ.

Nếu muốn tìm Phật, hãy cần thấy tánh.

Tánh tức là Phật.

Nếu chẳng thấy tánh thì chạy lạt giữ giới đều vô ích cả.

Niệm Phật thì được nhân tốt.

Tụng kinh thì được thông minh.

Giữ giới thì được sanh lên cõi trời.

Bố thí thì được phước báu.

Nhưng tìm Phật bằng những cách ấy quyết chẳng được vậy.

Nếu tự mình không sáng tỏ được, cần tham vấn các bậc thiện tri thức để thấu rõ nguồn gốc sanh tử.

Nếu không thấy tánh thì chẳng gọi được là thiện tri thức.

Nếu chẳng được vậy thì phỏng có giảng nói được mười hai bộ kinh vẫn không thoát khỏi vòng sanh tử, vẫn chịu khổ trong ba cõi không hạn ngày ra.

Xưa có tì khưu Thiện Tinh tụng lâu lâu mười hai bộ kinh, nhưng vẫn không thoát khỏi sanh tử luân hồi, ấy chỉ vì không thấy tánh. Thiện tinh kia còn vậy, huống nữa người đời nay mới giảng được năm ba bộ kinh đã coi đó là pháp Phật thì quả là kẻ ngu vậy.

Nếu không thấu rõ được tự tâm thì tụng kinh sách gì cũng chỉ là hư văn, không dùng vào đâu được hết.



Nếu cốt tìm Phật, trực tiếp cần thấy tánh.

Tánh tức là Phật.

Phật là người tự tại, là người vô tác.

Nếu không thấy tánh thì suốt ngày lằng xằng cầu cạnh, tìm kiếm Phật ở ngoài, đời nào được gặp, mặc dầu rớt cuộc vẫn không một vật nào có thể có được.

Nếu cầu thông hiểu nên tham vấn bậc thiện tri thức, nên thiết tha mà tu công khó mà cầu, đem tâm ra hội giải vấn đề lớn về sanh tử, đừng bỏ trôi suông, tự phỉnh mình vô ích.

Ví châu báu chất cao như núi, bà con nhiều như cát sông Hằng, mở mắt thấy đó, nhắm mắt thấy gì đâu? Mới hay mọi pháp hữu vi đều là mộng mị. Nếu chẳng gặp tìm thầy, ắt uổng kiếp sống buông xuôi trong khi tánh Phật mình vẫn sẵn có đó.

Nếu không nhờ thầy, quyết chẳng sáng tỏ được.

Không thầy mà ngộ, điều ấy hiếm lắm.

Nếu tự mình nhờ cơ duyên tốt mà thông suốt được thánh ý, đó là hàng thắng học, sanh ra đã biết.

Nếu chưa thông rõ nên siêng năng chịu khổ học, nương theo giáo phương để chứng ngộ.

Nếu tự mình sáng tỏ được thì chẳng cần học, khác với kẻ mê trắng đen không phân rõ lại còn lếu láo tuyên lời Phật dạy, báng Phật chê pháp. Các vị ấy nói pháp như mưa: quả đó là ma nói, chẳng phải Phật nói. Thầy là vua ma, học trò là dân ma.

Kẻ mê mặc sức múa máy theo người, phút chốc đoạ vòng sanh tử. Đó là những người không thấy tánh xưng càn là Phật. Hạng chúng sanh ấy phạm tội lớn, phỉnh gạt chúng sanh đưa vào vòng ma giới.

Nếu không thấy tánh thì đâu giỏi nói mười hai bộ kinh vẫn là ma nói. Đó là hàng bà con của nhà ma, chẳng phải học trò của nhà Phật.

Đã chẳng phân rõ trắng đen, bằng nào đâu mà thoát khỏi sanh tử?

Nếu thấy tánh tức là Phật.

Không thấy tánh tức là chúng sanh.

Nếu lìa tánh chúng sanh thì không thể có tánh Phật nào khác chứng được.

Phật nay tại nơi đâu?

Tánh chúng sanh tức là tánh Phật vậy.

Ngoài tánh không Phật.

Phật tức là tánh

Trừ tánh ấy ra, không Phật nào có được.

Ngoài Phật, không tánh nào có được.

Hỏi: Nếu không thấy tánh thì niệm Phật, tụng kinh bố thí, giữ giới, tinh tiến, rộng ban điều phước lợi, có thành Phật được không?

Đáp: Không được.

Lại Hỏi: Sao không được?

Đáp: Nếu có chút pháp nào chứng được thì đó là pháp hữu vi, pháp nhân quả, pháp thọ báo, pháp luân hồi. Không sáng tỏ lẽ sống chết, đời thuở nào thành được Phật đạo?

Thành Phật, cần thấy tánh.

Nếu không thấy tánh thì nói gì về nhân quả vẫn chỉ là pháp ngoại đạo.

Nếu là Phật, chớ tập pháp ngoại đạo.

Phật là người không nghiệp, không nhân quả.

Nói có chút pháp nào đó có thể thành được, quyết là phỉ báng Phật, dựa vào đâu mà thành được chứ? Đó là sự chấp trước ở một “tâm” một “năng”, một “giải” một “kiến”, điều ấy, Phật có hứa bao giờ đâu?

Phật không giữ không phạm giới.

Tâm tánh vốn không, cũng chẳng dơ sạch.

Các pháp đều không tu, không chứng, không nhân, không quả.

Phật chẳng giữ giới

Phật chẳng tu hành

Phật chẳng tạo dữ

Phật chẳng tinh tiến

Phật chẳng biếng lười

Phật là người vô tác.

Cho nên đem tâm trụ trước ra mà thấy Phật, không đâu hứa có vậy.

Phật chẳng là Phật.

Đừng đặt bày kiến giải của Phật.

Nếu không thấy được nghĩa ấy thì bất cứ lúc nào, bất cứ đâu đâu, đều không tỏ được bốn tâm.

Nếu không thấy tánh thì bất cứ lúc nào, bất cứ nghĩ gì hoặc không nghĩ gì, đều là kẻ đại tội, là người si đắm giữa cái không vô kí, ngầy ngật như người say, chẳng rõ phân tốt xấu.

Nếu muốn tu pháp vô tác, trước cần thấy tánh, sau đó tự nhiên dứt lo.

Nếu không thấy tánh mà thành được Phật đạo, không đâu có

được.

Có người phá bỏ lẽ nhân quả, thẳng tay tạo nghiệp dữ, nói càn tất cả là không, tạo ác không gì hơn, hạng người ấy đoạ địa ngục vô gián, mãi mãi không hẹn ngày ra.

Nếu là người trí, chớ có lối kiến giải như vậy.

Hỏi: Nếu trong bất cứ lúc nào, bất cứ cử chỉ hành động nào cũng đều là tự tâm cả, sao trong khi mang sắc thân vô thường này tôi không thấy được bản tâm?

Đáp: Bản tâm luôn ở trước mắt, tại người không chịu thấy.

Hỏi: Tâm ở trước mắt, sao tôi không thấy?

Sư Hỏi: Người thường nằm mộng chứ?

Đáp: Thường nằm mộng.

Hỏi: Trong khi người nằm mộng thì đó là bản thân người chứ?

Đáp: Đúng là bản thân tôi.

Lại Hỏi: Lời nói và việc làm của người trong lúc ấy có khác, hay chẳng khác với chính người?

Đáp: Chẳng khác.

Sư Nói: Nếu đã chẳng khác thì thân ấy tức là pháp thân người, pháp thân ấy tức là bản tâm người.

Tâm ấy từ vô số kiếp đến nay vẫn y như hiện giờ, chẳng sai khác, chưa từng có sống chết, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng thêm chẳng bớt, chẳng sạch chẳng dơ, chẳng tốt chẳng xấu, chẳng lại chẳng qua, cũng không phải trái, cũng không tướng nam tướng nữ, cũng không tăng tục, già trẻ, không thánh không phàm, cũng không Phật cũng không chúng sanh, cũng không tu chứng, cũng không nhân quả, cũng không gân cốt, cũng không tướng mạo, giống như hư không, nắm chẳng được bỏ chẳng được, núi sông tường đá không ngăn nổi, ẩn hiện lại qua thân thông tự tại, vượt núi ngũ uẩn, qua dòng sanh tử, không một nghiệp nào trói buộc được pháp thân ấy.

Tâm ấy vi diệu khó thấy.

Tâm ấy chẳng giống sắc tâm.

Chính từ trong ánh sáng của tâm ấy ứng dụng lên tất cả hành động, tay đưa chân bước.

Cũng như hỏi về số cát sông Hằng thì ai mà trả lời được, đành trở như người gỗ, cũng vậy, tâm là thọ dụng của chính người, sao người không biết lại đi hỏi người khác?

**Phật nói:** Tất cả chúng sanh đều là người mê, do đó tạo nghiệp, đoạ dòng sanh tử, muốn thoát ra lại chìm xuống, ấy chỉ vì không thấy

tánh.

Ví chúng sanh không mê sao lại thắc mắc hỏi làm gì chuyện ấy không một ai giải đáp được? Tự tay mình đưa, chân mình bước, sao mình không biết?

Mới hay thánh nhân chẳng sai lầm, chỉ tại người mê không tự sáng tỏ được.

Mới hay lẽ khó tường ấy, chỉ mình Phật mới hiểu nổi, ngoài ra tất cả người, trời và các loại chúng sanh đều không sáng tỏ được.

Nếu trí huệ chiếu sáng tâm ấy, cũng gọi là pháp tánh, cũng gọi là giải thoát, mới hay tâm ấy không bị sanh tử buộc ràng, không một pháp nào trói mắc được, nên gọi là Đại Tự Tại Vương Như Lai, cũng gọi là Bất Tư Nghị, cũng gọi là Thánh Thể, cũng gọi là Trường Sanh Bất Tử, cũng gọi là Đại Tiên: tên gọi tuy khác nhau, bản thể vẫn là một.

Thánh nhân phân biệt tất cả mà vẫn không lìa tự tâm.

Sức chứa rộng lớn của tâm ứng dụng không cùng: ứng vào mắt thì thấy màu, ứng vào tai thì nghe tiếng, ứng vào mũi thì ngửi mùi, ứng vào lưỡi thì biết vị cho nên bất cứ cử động nào cũng đều là tự tâm cả.

... Cái sắc thân bốn đại tức là phiền não. Phàm là sắc thân phải chịu sanh diệt.

Pháp thân thì thường trụ, nhưng không chỗ trụ. Cái pháp thân Như Lai hằng còn không đổi khác, nên kinh nói: Chúng sanh nên biết tánh Phật vốn sẵn tự đủ đó.

Ca Diếp chính là người ngộ được bốn tánh ấy.

Bốn tánh tức là tâm.

Tâm tức là tánh.

Tức chung đồng với tâm chư Phật.

Phật trước Phật sau chỉ truyền tâm ấy.

Trừ tâm ấy ra, không Phật nào có thể được.

Chúng sanh điên đảo không biết tự tâm là Phật, cứ hưởng ngoài mà gìn giữ cầu cạnh, suốt ngày lằng xằng niệm Phật lạy phật. Phật tại nơi đâu? Đừng nên có những lối thấy ấy.

Chỉ cần biết tự tâm.

Ngoài ra, rốt không có Phật nào khác.

**Kinh nói:** Phàm cái gì có tướng đều là đối trá.

Lại nói: Chính tại nơi đây mới là có Phật.

Tự tâm là Phật.

Đừng nên đem Phật lẽ Phật như vậy.

Ví bỗng đứng hiện ra trước mắt tướng mạo Phật cùng Bồ tát, quyết

cũng đừng nên kính lạ.

Tâm mình vốn không tịch, không hề có những thứ tướng mạo ấy.

Nếu giữ tướng tức là ma, rơi hẳn vào nẻo tà. Chẳng qua đó là những bóng dáng do tâm dấy lên, nên đừng lễ lạ.

Người lạ ắt không biết.

Người biết ắt không lạ.

Lạ ắt bị ma hớp. Sợ người học không hiểu nên ta giải rõ như vậy.

Trên thể tánh của chư Phật Như Lai đều không đâu có thứ tướng mạo ấy.

...Tâm mình vốn thanh tịnh: không đâu có thể có những tướng mạo như trên. Cho đến các loại tướng của Thiên long, Dạ xoa, quỷ thần, Đế Thích, Phạm vương, cũng chớ nên đem lòng kính trọng, cũng chớ sợ sệt.

Tâm mình vốn không tịch. Tất cả tướng mạo đều là vọng tướng.

Nếu mong lòng thấy Phật thấy pháp, cùng các thứ tướng mạo của Phật, Bồ tát mà sanh lòng kính trọng, đó là tự mình đoạ vào địa vị của chúng sanh.

Hỏi: Tại sao không nên bái lạ chư Phật và Bồ tát?

Đáp: Các loài Thiên ma Ba tuần, A tu la cũng có thể dùng phép thần thông tạo ra tướng mạo Bồ tát, biến hoá đủ cách, mà toàn là ngoại đạo, nào phải là Phật đâu.

Phật là tự tâm, chớ lầm bái lạ.

Phật là tiếng của nước Tây Thiên Trúc (Ấn Độ), tại đây (Trung Quốc) gọi là Giác tánh.

Giác tức là Linh giác: ứng đối với cơ duyên, tiếp xúc với sự vật (ứng cơ tiếp vật). Ngắc ngậy nheo mắt, cử động chân tay, đều là do tánh linh giác của chính mình.

Tánh tức là tâm.

Tâm tức là Phật.

Phật tức là đạo.

Đạo tức là thiên.

Chỉ một chữ thiên, thánh và phàm chẳng suy lường nổi.

Thấy thẳng tánh mình thì gọi là thiên.

Nếu chẳng thấy tánh mình tức không phải thiên vậy.

Dẫu có giỏi nói được ngàn kinh muôn luận mà không thấy tánh thì vẫn là phàm phu, chẳng phải là pháp Phật.

Đạo lớn kính sâu, không thể nói cho hiểu.

Kinh điển dựa vào đâu mà nói tới?  
Chỉ cần thấy tánh thì dầu không biết một chữ vẫn được đạo.  
Thấy tánh tức là Phật.  
Thánh thể xưa nay vốn thanh tịnh, chẳng có sạch dơ.  
Sở dĩ có lời nói là vì thánh nhân nương theo tâm mà khởi dụng.  
Dụng chỉ là một danh từ trống không. Lời nói kia còn chưa đạt tới  
được thì mười hai bộ kinh bằng vào đâu mà đạt tới?  
Đạo tự có viên thành, chẳng dùng tu chứng.  
Đạo chẳng phải là thanh sắc, nên vi diệu khó thấy.  
Cũng như người nào uống nước thì lạnh nóng tự mình biết, cũng  
vậy ta không thể hưởng về người khác mà nói ra được.  
Chỉ mình Như Lai là thông suốt, ngoài ra các bậc người và trười  
đều không hiểu thấu.  
Trí óc của phàm phu nói không đến, do đó mới chấp tướng, chẳng  
biết tâm mình xưa nay vốn không tịch.  
Vọng chấp tướng cùng mọi pháp tức rơi vào ngoại đạo ví biết  
muôn pháp đều theo tâm mà sanh, ắt không nên chấp như thế. Chấp tức  
chẳng biết.  
Nếu thấy được bốn tánh thì mười hai bộ kinh hoá thành chữ nghĩa  
suông.  
Ngàn kinh muôn luận cốt mở sáng tâm.  
Nếu thoát nghe đã hợp nhau rồi thì “giáo” còn dùng làm gì?  
Nói cho cùng lí: giáo là lời nói, thật chẳng phải đạo.  
Đạo vốn không lời.  
Lời nói là vọng.  
... Nếu thấy được tánh mình thì chẳng cần đọc kinh niệm Phật.  
Học rộng biết nhiều nào có ích gì.  
Vì lẽ để chuyển hôn mê cho thần thức nên mới có “giáo” lập ra  
cốt tiêu biểu cho tâm.  
Nếu ý thức được tâm, thì coi giáo làm gì?  
Thánh nhân sống tự tại ngay giữa lòng sanh tử, ẩn hiện vào ra  
không định trước, không nghiệp nào trói buộc được.  
Thánh nhân phá tà ma. Tất cả chúng sanh chỉ cần thấy tánh thì  
mọi dư tập đều tiêu diệt tức thì, thần thức hết mờ, chỉ cần tiếp nhận  
thẳng là lãnh hội ngay; muốn thực lãnh hội đạo, chỉ cần tại đây, như  
bây giờ đây, đừng chấp vào một pháp nào, cần dứt nghiệp dưỡng thần,  
thì dư tập cũng hết theo, và tự nhiên trắng rõ, chẳng cần dụng công phu  
gì.

Ngoại đạo không lãnh hội được ý Phật, dụng công nhiều quá, trái với thánh ý, suốt ngày lững đững niệm phật chuyển kinh, làm cho thần tánh mê mờ, chẳng khỏi luân hồi.

Phật là người an nhàn.

Ích gì bồn ba khắp nơi cầu danh cầu lợi, để sau này dùng gì chứ? Chỉ những người không thấy tánh mới khư khư lo tụng kinh niệm Phật, tinh tiến học hoài, đêm ngày hành đạo, ngồi mãi không nằm, học rộng nghe nhiều, lấy đó làm pháp Phật: đó là hạng người chê Phật chê pháp.

Phật trước Phật sau chỉ nói thấy tánh.

Muôn vật đều vô thường.

Nếu không thấy tánh lại nói cần rằng “ta được quả chánh đẳng chánh giác”, ấy là kẻ đại tội.

Trong hàng mười đệ tử lớn của Phật, ngài A Nan là “đệ nhất đa văn”, ở với Phật mà không thông hiểu gì hết chỉ cốt học nhiều.

Hạng Thanh Văn và Duyên giác, cùng ngoại đạo cũng không hiểu Phật, chỉ chấp vào mấy từng tu chứng, đoạ vào nhân quả, chịu báo chúng sanh, không tỏ sanh tử, đi ngược ý Phật, đó là chê bai Phật, tội không gì hơn.

**Kinh nói:** Người xiển đề không phát sanh tín tâm tội không gì hơn.

Ai có tín tâm, tức kẻ ấy là Phật ở địa vị người.

Lành dữ tự nhiên, nhân quả phân rõ, thiên đường địa ngục chỉ ở trước mắt.

Người ngu không tin, hiện tại mắc giữa địa ngục tối đen, mà vẫn không hay biết gì hết, ấy vì duyên nghiệp nặng vậy, bởi lẽ không có tín tâm. Tỉ như người không mắt, không tin có ánh sáng. Ví có ai đến nói cho nghe vẫn không tin, chỉ vì mù mắt vậy, nên còn biết bằng vào đâu mà nhận có ánh sáng mặt trời? Kẻ ngu cũng y như vậy đó. Hiện tại, họ đoạ làm thân súc sanh đủ loại, sanh ở nơi nghèo cùng, hèn thấp, cầu sống không sống được, cầu chết không chết được. Mặc dầu chịu khổ như vậy mà hỏi đến lại nói là ta nay rất vui khoái lắm, khác gì ở thiên đường. Mới biết tất cả chúng sanh đều lấy cái sống khổ làm vui mà không hay biết gì hết, ấy chỉ vì nghiệp chướng nặng nề vậy, nên không thể phát tín tâm, không thể tự mình mà chỉ do người vậy.

Nếu thấy tâm mình là Phật thì không cần cắt tóc cạo râu.

Hàng áo trắng vẫn là Phật.

Nếu không thấy tánh, cắt tóc cạo râu vẫn là ngoại đạo.

Hỏi: Hàng áo trắng có vợ con, dâm dục không trừ, bằng vào đâu mà thành Phật được?

Đáp: Tôi chỉ nói thấy tánh, chẳng nói dâm dục. Chỉ cần thấy được tánh mới vỡ lẽ rằng từ vô thủy dâm dục vẫn là không tịch, chẳng có gì phải giả dối dứt trừ, mà cũng chẳng mắc vào dục lạc. Tại sao vậy? Vì tánh mình vốn là thanh tịnh vậy, dầu nó trụ ở trong sắc thân năm uẩn. Tánh ấy bỗng lai là thanh tịnh, không gì có thể nhuộm dơ được. Pháp thân bỗng lai vẫn tự nó có, không do ai ban cho, không đói không khát, không lạnh không nóng, không bệnh, không ân ái, không bà con, không khổ vui không xấu tốt, không dài ngắn, không mạnh yếu. Bỗng lai không một vật nào khá được, chỉ vì chấp có sắc thân này nên mới có tướng nóng lạnh, đói khát chướng bệnh, đủ thứ. Nếu chẳng chấp thì mặc tình đi đứng, được tự tại ngay giữa dòng sống chết, chuyển vận tất cả pháp cùng với thánh nhân tự tại vô ngại như nhau, không đâu mà chẳng an.

... Nếu thấy tánh, chiêm đà la cũng thành Phật.

Hỏi: Chiêm đà la gây nghiệp giết chóc, sao gọi là thành Phật được?

Đáp: Tôi nói thấy tánh, chẳng nói gây nghiệp. Tuy nghiệp gây ra chẳng đồng nhau, nhưng dầu sao vẫn không một nghiệp nào ràng buộc được “nó”. Từ vô lượng kiếp đến nay, chỉ vì không thấy tánh nên đoạ vào địa ngục, bởi gây nghiệp sanh tử luân hồi.

Nếu ngộ được bỗng tánh, rốt cùng vẫn không có gì gọi là gây nghiệp cả.

Nếu không thấy tánh thì niệm Phật, tở báo kia còn chẳng được, huống nữa luận về chuyện giết mạng sống.

Nếu thấy được tánh thì mọi nghề vực trong tâm phút chốc trừ ngay, thì việc giết mạng sống còn đặt lên làm sao được chứ?

Trời Tây, hăm tám Tổ sư Thiền đều lần lượt truyền tâm ấn cho nhau.

Ta nay đến xứ này cũng chỉ truyền một tâm ấy, không luận về giới thí, tinh tiến, khổ hạnh, cả đến việc vào nước lửa, lên vòng gươm, chạy lạt ngày một lần, ngồi hoài không nằm, thấy thấy chỉ là pháp hữu vi của ngoại đạo.

Ví ý thức của tánh linh giác của chính mình trong mọi cử động hành vi, tức ý thức được tâm Phật.

Phật trước Phật sau chỉ nói pháp truyền tâm, ngoài ra không pháp nào khác. Nếu thấu rõ pháp ấy thì phàm phu ngu dốt không biết một chữ cũng vẫn là Phật.



Nếu không thấu rõ tánh linh giác của chính mình thì dầu đem thân đây nghiền nát ra thành vô số bụi bặm để cầu tìm Phật rốt cuộc vẫn chẳng được vậy.

Phật ấy cũng gọi là pháp thân, cũng gọi là bốn tâm.

Tâm ấy không có hình tướng, không nhân quả, không gân cốt, tựa như hư không không thể nắm được, không chung đồng với vật chất, với ngoại đạo.

Tâm ấy chỉ mình Như Lai lãnh hội được, kì dư không ai sáng tỏ nổi.

Tâm ấy không lìa ngoài các sắc thân bốn đại.

Nếu lìa tâm ấy, tức không còn vận động gì được, vì đó là thân vô tri, khác gì cây cỏ ngói gạch.

Thân đã là vô tình, làm sao vận động được?

Nếu tự tâm động thì cả đến mọi ngôn ngữ, mọi hành vi cử động, mọi điều thấy nghe cảm biết đều là tâm động.

*Tâm động dụng động.*

*Động tức là dụng*

*Ngoài động không tâm*

*Ngoài tâm không động*

*Động chẳng là tâm*

*Tâm chẳng là động*

*Động vốn không tâm*

*Tâm vốn không động*

*Động chẳng lìa tâm*

*Tâm chẳng lìa động*

*Động không tâm lìa*

*Tâm không động lìa*

*Động là tâm dụng*

*Dụng là tâm động*

*Tức động tức dụng*

*Chẳng động chẳng dụng*

*Dụng thể vốn không*

*Không vốn không động*

*Động dụng đồng tâm*

*Tâm vốn không động.*

**Nên kinh nói:** Động mà không có sở động.

Bởi vậy.

Suốt ngày thấy mà vẫn chưa từng thấy.

Suốt ngày nghe mà vẫn chưa từng nghe  
Suốt ngày cảm mà vẫn chưa từng cảm  
Suốt ngày biết mà vẫn chưa từng biết  
Suốt ngày đi, ngồi mà vẫn chưa từng đi ngồi,  
Suốt ngày hờn vui mà vẫn chưa từng hờn vui.

**Nên kinh nói:** Lời nói làm cho đạo dứt, tâm động làm cho giác ngộ tiêu (ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt)

Thấy nghe cảm biết vốn tự nó viên tịch, cho đến mọi niềm giận vui... cũng vậy.

...Nếu biết giận vui vẫn là tánh không thì chỉ cần dừng chấp tức thoát khỏi mọi nghiệp.

Nếu tụng kinh mà không thấy tánh, điều ấy quyết không bằng vào đâu cả, mà nói mấy vẫn không cùng.

Nêu sơ lẽ chánh tà như trên, chẳng qua chỉ một đôi phần thôi

vậy.

Xin nói bài tụng vậy:

**I. Ngộ bốn lai tứ thổ:**

*Truyền pháp cứu mê tình Nhất hoa khai ngũ  
diệp Kết quả tự nhiên thành Ta cốt qua trung  
thổ Truyền pháp cứu mê tình Một hoa năm cánh  
trở Tự nhiên trái kết thành.*

**II. Giảng tra phân ngọc lãng:**

*Quản cự khai kim toả  
Ngũ khẩu tương cộng hành Cửu thập vô bỉ ngã.  
Bề lau rẽ sóng ngọc Đuốc sáp mở khoá vàng  
Năm miệng cùng nhau bước Chín mươi không ta  
người.*